CATALOGUE
NHÔM TOPAL

- CHẤT LƯỢNG CHUẨN MỰC CHÂU ÂU
- QUY TRÌNH SẢN XUẤT KIỂM SOÁT CHẶT CHẼ
- TỐC ĐỘ & NĂNG LỰC CUNG ỨNG VƯỢT TRỘI

GIỚI THIỆU TẬP ĐOÀN

Thành lập từ năm 2003, Tập đoàn Austdoor tự hào là một trong những Nhà sản xuất và cung cấp các giải pháp về cửa và nguyên vật liệu xây dựng hàng đầu tại Việt Nam với 6 nhà máy trải đều 3 miền Bắc – Trung – Nam, hơn 1000+ đại lý và điểm bán tại 63 tỉnh thành, phủ toàn lãnh thổ Việt Nam và vươn xa hơn nữa.

THÁNG 10 2003
Công ty TNHH SX & TM Hưng Phát tiền thân của Tập đoàn Austdoor lần đầu tiên nhập khẩu cửa cuốn tấm liền đồng bộ từ Australia về Việt Nam

AUSTDOOR®

2004
Ký kết hợp đồng license với tập đoàn BnD (Australia) và khánh thành nhà máy cửa cuốn đầu tiên tại khu công nghiệp Ngọc Hồi, Thanh Trì , Hà Nội

2005
Khánh thành nhà máy cửa cuốn lớn nhất Việt Nam tại khu công nghiệp Phố Nối A, Hưng Yên

Thành lập Chi nhánh Austdoor Miền Nam

2006
Thành lập Chi nhánh Austdoor Nghệ An

2007
Khánh thành nhà máy cửa nhựa uPVC tại khu công nghiệp Nghi Phú Tp Vinh - Nghệ An

2009
Tái cấu trúc bộ máy quản lý theo mô hình Tập đoàn

2011
Khánh thành nhà máy Austdoor Yên Mỹ, Hưng Yên

2013
Kỷ niệm 10 năm thành lập Tập đoàn

THÁNG 1 2014
Giới thiệu thương hiệu Cửa nhôm & Vách kính Sunspace

SUNSPACE® GIẢI PHÁP CHO CỬA & VÁCH KÍNH

THÁNG 4 2014
Ra mắt thương hiệu Bệnh viện cửa cuốn Austcare

Austcare BỆNH VIỆN CỬA CUỐN CHO MỌI NHÀ

THÁNG 11 2014
Ra mắt thương hiệu Cửa gỗ Huge

HUGE

THÁNG 12 2017
Ra mắt sản phẩm nhôm hệ và phụ kiện Topal

TOPAL® KIẾN TẠO CHUẨN MỰC

2018
Kỷ niệm 15 năm thành lập và đón nhận Thương hiệu Quốc gia

2019
Ứng dụng SAP vào quản lý

Khánh thành nhà máy Topal Nhơn Trạch

2020
Khánh thành trụ sở Tập đoàn ADG Tower

ADG

TẦM NHÌN

Trở thành nhà Sản xuất - Cung cấp các Giải pháp tổng thể về cửa và vật liệu xây dựng công nghệ cao hàng đầu Đông Nam Á.

SỨ MỆNH

Cung cấp các sản phẩm cửa và vật liệu xây dựng công nghệ cao với nhiều tiện nghi hiện đại, đáp ứng các nhu cầu về an toàn và thẩm mỹ cho mọi ngôi nhà.

MỤC LỤC

GIỚI THIỆU TOPAL	6
NĂNG LỰC SẢN XUẤT	8
HỆ THỐNG PHÂN PHỐI	16
DỊCH VỤ KHÁCH HÀNG	17
HỆ THỐNG SẢN PHẨM	18
CHỨNG CHỈ CHẤT LƯỢNG	56
CÔNG TRÌNH TIÊU BIỂU	68

TOPAL

KIẾN TẠO CHUẨN MỰC

ĐẨY CAO VỊ THẾ NGÀNH NHÔM VIỆT

Là thành viên của Tập đoàn Austdoor, với sự đầu tư bài bản, Topal đặt mục tiêu trở thành nhà sản xuất nhôm quy mô, chuyên nghiệp hàng đầu Đông Nam Á.

Với mong muốn kiến tạo những chuẩn mực mới trong ngành nhôm nhằm đẩy cao vị thế của Nhôm Việt trên thị trường trong và ngoài nước, Topal chú trọng vào công tác nghiên cứu phát triển sản phẩm, kiến tạo và cung cấp các nguyên vật liệu đạt tiêu chuẩn cùng giải pháp sản xuất cửa nhôm nhằm mang tới cho người tiêu dùng những bộ cửa nhôm đồng bộ, kín nước, chống ồn thông qua hệ thống đại lý ủy quyền đi kèm dịch vụ khách hàng chuyên nghiệp.

2017

Tập đoàn Austdoor chính thức ra mắt thương hiệu nhôm TOPAL, với các sản phẩm Cửa nhôm đồng bộ TOPAL SLIMA, Nhôm hệ và Phụ kiện.

2018

Ra mắt dòng sản phẩm Cửa nhôm đồng bộ TOPAL PRIMA, kiến tạo những chuẩn mực mới về cửa nhôm cao cấp trên thị trường Việt Nam.

2019

Tham gia, sáng lập HỘI NHÔM THANH ĐỊNH HÌNH VIỆT NAM (VAA).

2020

Khánh thành nhà máy nhôm NHƠN TRẠCH (5 hecta)

NĂNG LỰC SẢN XUẤT

Nhà máy số 1: YÊN MỸ, HƯNG YÊN
Km 7, Quốc lộ 39, Thị trấn Yên Mỹ, Hưng Yên
Quy mô: 30.000m2
Năng suất: 12.000 tấn nhôm hệ/ năm

Nhà máy số 2: MỸ HÀO, HƯNG YÊN
Thôn Phan Bội, Xã Dị Sử, Huyện Mỹ Hào, Hưng Yên
Quy mô: 100.000m2
Năng suất: 80.000 tấn nhôm hệ/ năm

Nhà máy số 5: NHƠN TRẠCH 2
Đường Tôn Đức Thắng, KCN Nhơn Trạch 2, Đồng Nai
Quy mô: 50.000m2
Năng suất: 30.000 tấn nhôm hệ/ năm

Nhà máy số 3: PHỐ NỐI, HƯNG YÊN
Đường D2, KCN Phố Nối A, Giai Phạm, Yên Mỹ, Hưng Yên
Quy mô: 10.000m2
Năng suất: 200.000 m2 cửa nhôm & Vách mặt dựng/ năm

Nhà máy số 4: NHƠN TRẠCH 1
Đường Tôn Đức Thắng, KCN Nhơn Trạch 1, Đồng Nai
Quy mô: 17.000m2
Năng suất: 200.000 m2 cửa nhôm & Vách dựng/ năm

HỆ THỐNG NHÀ MÁY QUY MÔ LỚN TẠI CẢ HAI MIỀN NAM - BẮC, BẢO ĐẢM TỐC ĐỘ VÀ KHẢ NĂNG CUNG ỨNG SỐ LƯỢNG LỚN

- Sử dụng hệ thống 5 nhà máy trải dài Bắc – Trung – Nam, trong đó có 2 nhà máy nhôm tại Hưng Yên và Nhơn Trạch được đầu tư với quy mô lớn, thiết bị hiện đại, quy trình sản xuất tiêu chuẩn, nhằm cung ứng nhanh chóng, thuận tiện cho thị trường toàn quốc, giảm chi phí vận chuyển tới khách hàng và rút ngắn thời gian giao hàng.
- Năng lực sản xuất vượt trội cho phép Topal có thể chủ động mở khuôn mới, thời gian mở khuôn 20-25 ngày
- Chính sách mở khuôn linh động, đáp ứng đa dạng các loại khuôn về kích thước, thiết kế.

DÂY CHUYỀN SẢN XUẤT HIỆN ĐẠI

TIÊN PHONG CẬP NHẬT VÀ ỨNG DỤNG CÔNG NGHỆ MỚI

Tập đoàn Austdoor luôn coi công nghệ là động lực để phát triển. Chúng tôi từ trong mọi qui trình nghiên cứu phát triển, sản xuất, kinh doanh, phân phối, dịch vụ chăm sóc luôn là đơn vị tiên phong ứng dụng công nghệ hiện đại, kỹ thuật cao mang tính xu hướng trên thế giới khiến cho hàm lượng công nghệ trong mọi sản phẩm của TĐ Austdoor luôn luôn vượt trội trên thị trường, đem tới cho Người tiêu dùng những trải nghiệm đỉnh cao, những lựa chọn hài lòng nhất.

QUY TRÌNH SẢN XUẤT NHÔM THANH ĐỊNH HÌNH

TOPAL
KIẾN TẠO CHUẨN MỰC

BILLET NHÔM

GIA NHIỆT

CẮT KHÚC

ĐÙN ÉP

LÀM NGUỘI

HÓA GIÀ

NHÔM THÔ

NHÔM SƠN VÂN GỖ

BỌC FILM VÂN GỖ

Ủ NHIỆT

BÓC BỎ FILM VÂN GỖ

ĐÓNG GÓI

NHẬP KHO & VẬN CHUYỂN

NHÔM SƠN TĨNH ĐIỆN

XỬ LÝ BỀ MẶT

SƠN TĨNH ĐIỆN

NHÔM MÀU TIÊU CHUẨN

ĐÓNG GÓI

NHẬP KHO & VẬN CHUYỂN

NHÔM ANODE

XỬ LÝ BỀ MẶT

MẠ ANODE

SẤY KHÔ

NHẬP KHO & VẬN CHUYỂN

TIÊU CHUẨN CHẤT LƯỢNG NHÔM TOPAL

NGUYÊN VẬT LIỆU NHÔM ĐẦU VÀO

- Sử dụng 100% billet nhôm nhập khẩu 6063 và 6061, có độ cứng, bền, khả năng chống mài mòn cao, có tính gia công, định hình.
- Có nguồn gốc xuất xứ minh bạch từ các đơn vị uy tín trên thế giới.

SƠN BỀ MẶT CAO CẤP

- Sử dụng sơn bột tĩnh điện nhập khẩu trực tiếp từ các hãng hàng đầu trên thế giới. Đạt tiêu chuẩn và các chứng nhận từ những đơn vị cung cấp sơn nổi tiếng với bề mặt sơn chất lượng vượt trội, độ bền màu vượt thời gian.

AkzoNobel TIGER JOTUN Decorai System

QUY TRÌNH KIỂM SOÁT CHẤT LƯỢNG CHẶT CHẼ

- Quy trình sản xuất đạt tiêu chuẩn chất lượng ISO 9001-2015.
- Mỗi công đoạn đều được thực hiện chuyên nghiệp, kiểm soát nghiêm ngặt, đảm bảo chất lượng sản phẩm, an toàn lao động và bảo vệ môi trường.

HỆ THỐNG PHÂN PHỐI ỦY QUYỀN

Chúng tôi thiết lập hệ thống phân phối ủy quyền trên toàn quốc với các tiêu chuẩn nghiêm ngặt nhằm đảm bảo giữ đúng giá trị sản phẩm tới tay người tiêu dùng:

- Các đại lý ủy quyền được lựa chọn chặt chẽ theo Bộ tiêu chuẩn Đại lý Ủy quyền ADG
- Các đại lý được chuyển giao công nghệ sản xuất, kiến thức sản phẩm, kỹ thuật sản xuất và lắp đặt đồng bộ nhằm đảm bảo giữ đúng giá trị tới tay người tiêu dùng
- Hệ thống bảo hành/ sửa chữa tại Trung tâm Dịch vụ Austcare.

63
TỈNH THÀNH CẢ NƯỚC

100
ĐẠI LÝ PHÂN PHỐI THANH NHÔM VÀ PHỤ KIỆN

2000+
ĐẠI LÝ SẢN XUẤT CỬA NHÔM

DỊCH VỤ KHÁCH HÀNG

TRUNG TÂM DỊCH VỤ AUSTCARE

- Tư vấn về sản phẩm và dịch vụ
- Tiếp nhận & xử lý khiếu nại
- Tư vấn dịch vụ sửa chữa, bảo hành thông qua hệ thống Đại lý ủy quyền

TỔNG ĐÀI TOÀN QUỐC

1900 6828

Mọi yêu cầu hỗ trợ khách hàng trên toàn quốc đều được tiếp nhận tập trung qua tổng đài 1900-6828 và được xử lý 02 Trung tâm dịch vụ Austcare và hơn 500 Đại lý ủy quyền trên toàn quốc.

HỖ TRỢ KHÁC

- Topal có điều khoản bảo mật khuôn khách hàng nếu khách yêu cầu
- Topal có thể đùn nhôm theo module cho khách để tối ưu chi phí, giảm nhôm thừa.

TRUNG TÂM DỊCH VỤ AUSTCARE HÀ NỘI

HƠN 500 ĐẠI LÝ ỦY QUYỀN TRÊN TOÀN QUỐC

TRUNG TÂM DỊCH VỤ AUSTCARE TP. HỒ CHÍ MINH

CƠ CẤU SẢN PHẨM

CƠ CẤU NHÃN HIỆU SẢN PHẨM

CỬA NHÔM TOPAL **PRIMA** TOPAL SLIMA

- ĐỒNG BỘ
- KÍN NƯỚC
- CHỐNG ỒN

ĐỒNG BỘ

Sản phẩm được thiết kế đồng bộ từ:
1. Nguyên vật liệu (thanh nhôm, phụ kiện, gioăng)
2. Công nghệ sản xuất (công cụ sản xuất, tài liệu hướng dẫn)
Giúp cửa nhôm đồng bộ Topal vận hành bền bỉ, chất lượng, tối ưu tính năng, đạt khả năng kín nước, chống ồn vượt trội theo tiêu chuẩn châu Âu.

KÍN NƯỚC

Khi sử dụng **gioăng EPDM** kết hợp với khóa đa điểm, cửa nhôm đồng bộ Topal Slima và Topal Prima đạt độ kín nước tối đa. Sản phẩm đã được test theo **tiêu chuẩn châu Âu EN1027**, Topal Slima đạt khả năng kín nước dưới áp lực gió tới **350 Pa**; Topal Prima đạt khả năng kín nước dưới áp lực gió tới **500 Pa**.

CHỐNG ỒN

Cửa nhôm Topal có khả năng giảm thiểu cường độ âm thanh, giúp ngăn chặn tiếng ồn đường phố hiệu quả, đem lại không gian yên tĩnh lý tưởng cho cả gia đình. **Cửa nhôm đồng bộ Topal Slima và Topal Prima** đã được test theo tiêu chuẩn châu Âu về độ cách âm **EN140**. Theo đó, Topal Slima đạt khả năng chống ồn lên tới **28 dB.**

TOPAL PRIMA

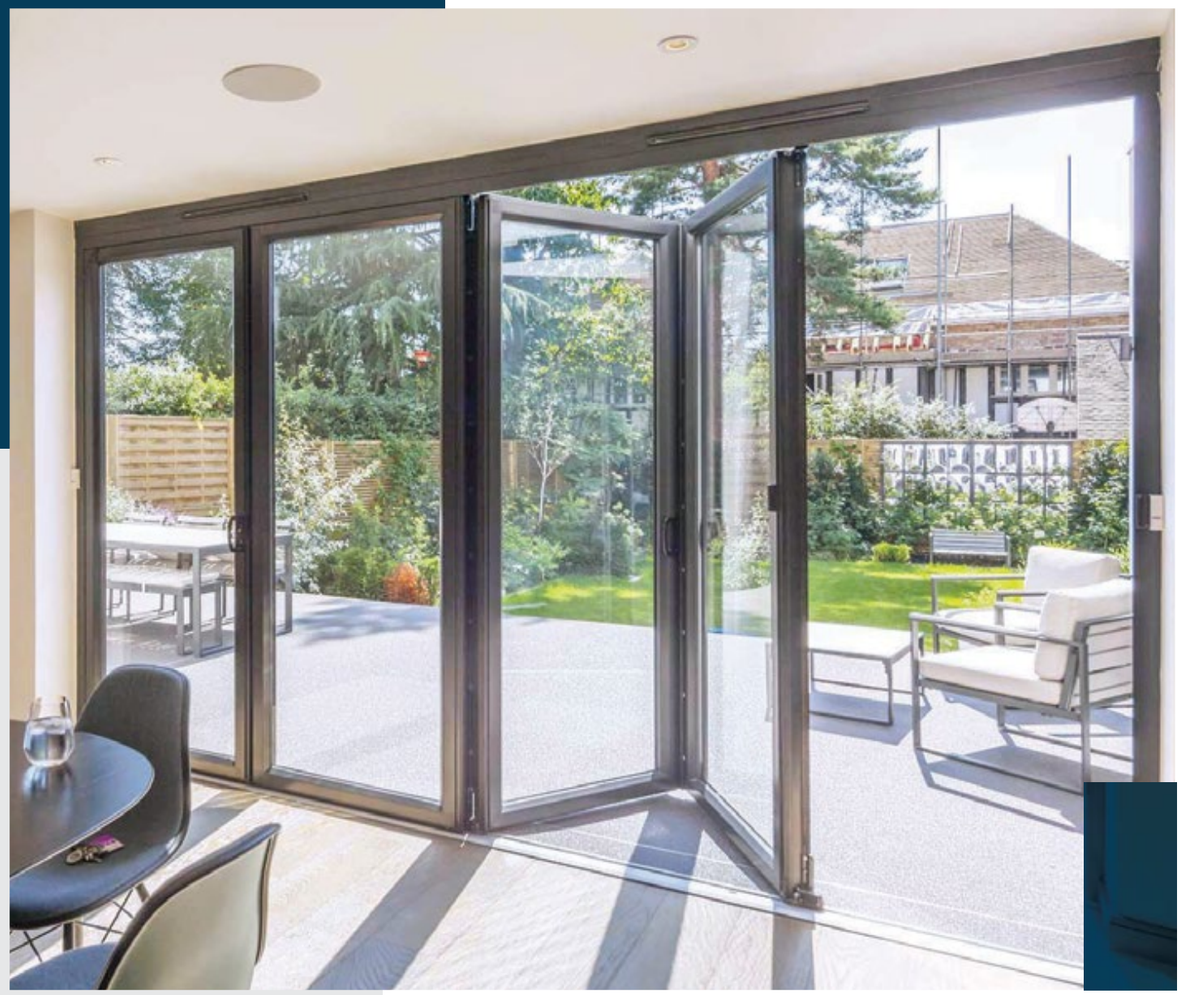

THIẾT KẾ PHÙ HỢP

Với khách sạn, Biệt thự, Resort nghỉ dưỡng cao cấp

THANH NHÔM KHỎE KHOẮN, SANG TRỌNG

KÍN NƯỚC, CHỐNG ỒN VƯỢT TRỘI

Bảng thông số profile TOPAL PRIMA

TOPAL® KIẾN TẠO CHUẨN MỰC

Khung cửa mở quay nhỏ		Khung cửa mở quay lớn		Khung cửa mở quay 11cm		Đố T nhỏ	
PR55-01	4.870kg/6m	PR55-02	7.215kg/6m	PR55-03	12.650kg/6m	PR55-04	6.220g/6m
1.4mm	4 thanh/bó	2.0mm	4 thanh/bó	2.0mm	2 thanh/bó	1.4mm	4 thanh/bó
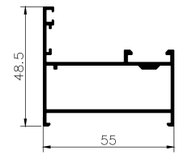		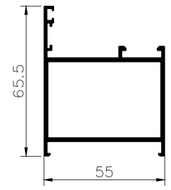		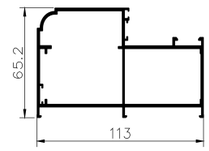		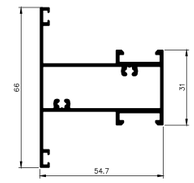	

Đố T lớn		Cánh cửa sổ quay ngoài		Cánh cửa sổ quay trong		Cánh cửa đi quay ngoài	
PR55-05	9.120kg/6m	PR55-06	7.213kg/6m	PR55-07	6.948kg/6m	PR55-08	10.410kg/6m
2.0mm	2 thanh/bó	1.4mm	4 thanh/bó	1.4mm	4 thanh/bó	2.0mm	2 thanh/bó
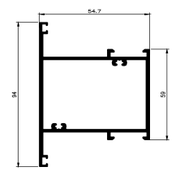		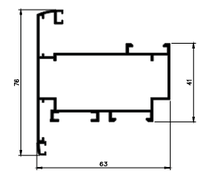		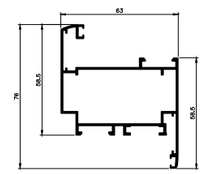		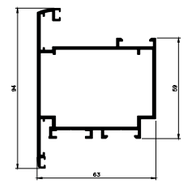	

Cánh cửa đi quay ngoài		Cánh cửa đi quay trong		Cánh cửa đi quay trong		Ốp chân cánh có ngưỡng	
PR55-08	9.369kg/5.4m	PR55-09	10.452kg/6m	PR55-09	9.407kg/5.4m	PR55-10	0.775kg/6m
2.0mm	2 thanh/bó	2.0mm	2 thanh/bó	2.0mm	2 thanh/bó	1.0mm	10 thanh/bó
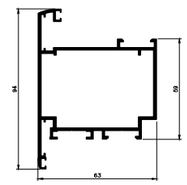		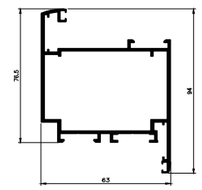		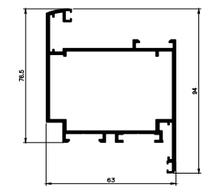		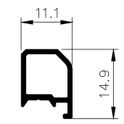	

Ốp chân cánh không ngưỡng		Ngưỡng cửa đi mở quay		Lật khung		Nẹp nối khung	
PR55-11	1.021kg/6m	PR55-12	3.012kg/6m	PR55-13	4.160kg/6m	PR55-14	1.872kg/6m
1.0mm	10 thanh/bó	2.3mm	6 thanh/bó	1.4mm	4 thanh/bó	1.5mm	10 thanh/bó
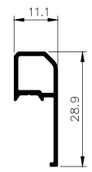		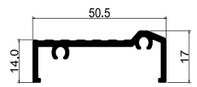		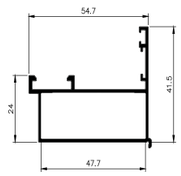			

Nẹp nối khung tăng cứng		Nẹp nối khung 90°		Đố ngang dưới cánh cửa đi		Kẹp kính vuông 6 - 8mm	
PR55-15	10.200kg/6m	PR55-16	7.360kg/6m	PR55-17	12.987kg/6m	PR55-18	1.653kg/6m
2.5mm	2 thanh/bó	2.0mm	4 thanh/bó	2.0mm	1 thanh/bó	1.1mm	10 thanh/bó
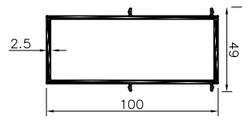		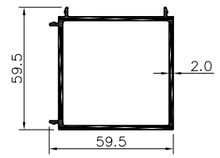		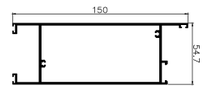		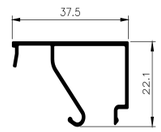	

MÃ GIAO DỊCH | TRỌNG LƯỢNG THIẾT KẾ | ĐỘ DÀY | QUY CÁCH ĐÓNG GÓI

Bảng thông số profile **TOPAL PRIMA**

Kẹp kính vuông 10 - 12mm	Kẹp kính vuông 19 - 21mm	Nẹp kính tròn 6 - 8mm	Nẹp kính tròn 19 - 21mm	Đố động
PR55-19	PR55-20	PR55-21	PR55-22	PR55-23
1.537kg/6m	1.350kg/6m	1.595kg/6m	1.164kg/6m	5.370kg/6m
1.0mm	1.0mm	1.5mm	1.2mm	1.4mm
10 thanh/bó	10 thanh/bó	10thanh/bó	10 thanh/bó	4 thanh/bó
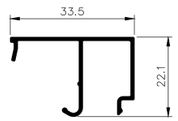		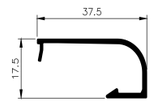	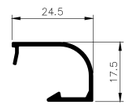	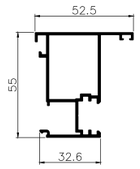

Ray dẫn hướng cửa gấp trượt	Pat liên kết khung cửa gấp trượt	Ốp cánh cửa gấp trượt	Đố T tăng cứng	Ke góc 16 (2 điểm ép)
PR55-25	PR55-26	PR55-27	PR55-28	PR55-29
6.120kg/6m	7.920kg/6m	1.014kg/6m	10.810kg/6m	15.737kg/6m
2.5mm	3.5mm	1.0mm	2.5mm	3.0mm
4 thanh/bó	4 thanh/bó	10 thanh/bó	2 thanh/bó	2 thanh/bó
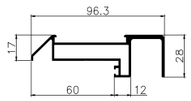	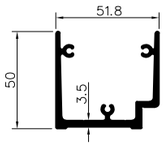	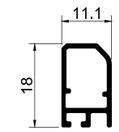	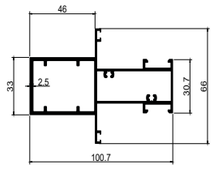	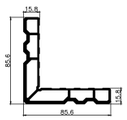

Ke góc 28 (2 điểm ép)	Ke góc 32 (2 điểm ép)	Ke góc 45 (2 điểm ép)	Khung bao cửa lùa	Ray trượt cửa lùa
PR55-30	PR55-31	PR55-32	PR55-33	PR55-34
20.219kg/6m	18.380kg/6m	30.512kg/6m	6.640kg/6m	0.797kg/6m
3.0mm	3.0mm	4.0mm	1.6mm	3.2mm
1 thanh/bó	1 thanh/bó	1 thanh/bó	4 thanh/bó	10 thanh/bó
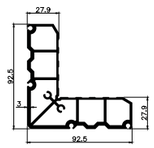	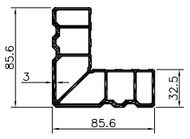	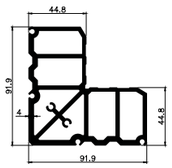	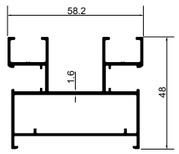	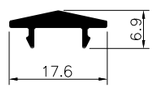

Cánh cửa lùa kính đơn	Cánh cửa lùa kính hộp	Ốp móc cửa lùa	Mi chắn nước cửa lùa	Hèm cửa lùa 4 cánh
PR55-35	PR55-36	PR55-37	PR55-38	PR55-39
6.250kg/6m	5.980kg/6m	2.170kg/6m	1.301kg/6m	2.940kg/6m
1.5mm	1.5mm	1.5mm	1.2mm	1.5mm
4 thanh/bó	4 thanh/bó	10 thanh/bó	10 thanh/bó	8 thanh/bó
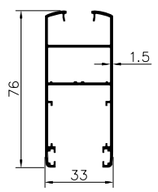	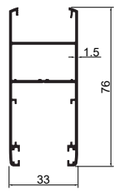	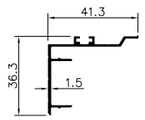	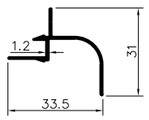	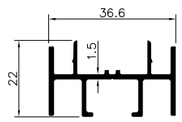

Nẹp tăng cứng ray cửa lùa	Thanh ốp đa điểm	Ngưỡng cửa đi lùa	Ngưỡng phụ cửa đi lùa	Ốp móc tăng cứng cửa lùa
PR55-40	PR55-41	PR55-42	PR55-43	PR55-44
0.790kg/6m	2.340kg/6m	3.745kg/6m	2.280kg/6m	8.867kg/6m
0.9mm	1.2mm	1.5mm	1.5mm	2.0mm
10 thanh/bó	10 thanh/bó	6 thanh/bó	10 thanh/bó	2 thanh/bó
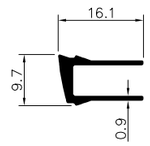	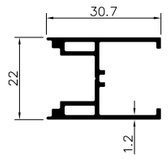	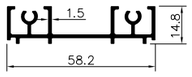	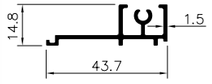	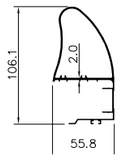

Bảng thông số profile **TOPAL PRIMA**

TOPAL® KIẾN TẠO CHUẨN MỰC

Khung ray phụ cửa lùa	Pano nhôm	Ray chịu lực cửa gấp trượt	Nắp ray chịu lực cửa gấp trượt	Khung cửa lùa một ray
PR55-45	PR55-46	PR55-47	PR55-48	PR55-50
4.853kg/6m	2.221kg/6m	9.147kg/6m	4.470kg/6m	5.983kg/6m
1.6mm	0.5mm	1.8mm	1.8mm	1.3mm
4 thanh/bó	6 thanh/bó	2thanh/bó	4 thanh/bó	4 thanh/bó
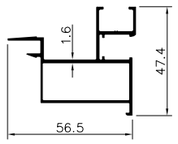	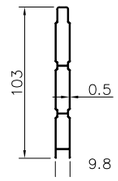	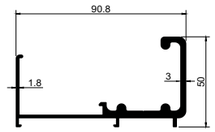	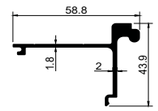	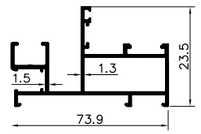

Đố đứng liền ốp móc	Nẹp che khung cửa lùa một ray	Đố chia cánh cửa lùa	Đố động gấp trượt không góc	Thanh khóa đa điểm
PR55-51	PR55-52	PR55-53	PR55-54	PR55-56
6.500kg/6m	2.040kg/6m	6.540kg/6m	7.600kg/6m	0.888kg/6m
1.5mm	1.0mm	1.5mm	1.9mm	2.5mm
4 thanh/bó	10 thanh/bó	4 thanh/bó	2 thanh/bó	20 thanh/bó
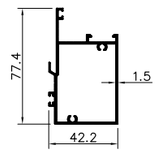	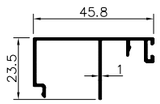	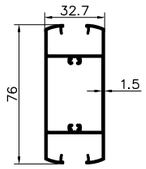	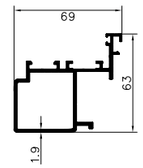	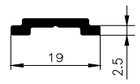

Nẹp kính tròn 22 - 24mm	Pano 10cm	Nẹp kính tròn 10 - 12mm	Pano phẳng	Nẹp tròn chân sập
PR55-57	PR55-58	PR55-60	PR55-61	PR55-62
1.136kg/6m	5.520kg/6m	1.584kg/6m	2.100kg/6m	1.649kg/6m
1.2mm	1.2mm	1.5mm	0.5mm	1.1mm
10 thanh/bó	2 thanh/bó	10 thanh/bó	6 thanh/bó	6 thanh/bó
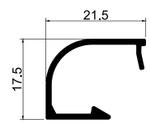	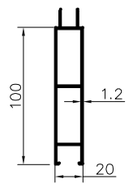	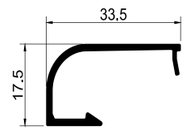	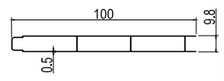	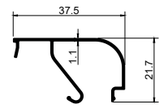

Sập khung cửa lùa 1 ray	Nẹp kính hộp	Phào chỉ 1 mặt		
PR55-63	PR55-64	PR55-65		
1.146kg/6m	1.152kg/6m	2.760kg/6m		
1.4mm	1.0mm	1.0mm		
10 thanh/bó	10 thanh/bó	10 thanh/bó		
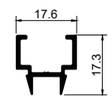		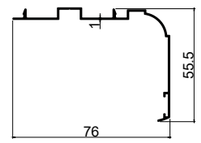		

MÃ GIAO DỊCH | TRỌNG LƯỢNG THIẾT KẾ | ĐỘ DÀY | QUY CÁCH ĐÓNG GÓI

Lựa chọn màu sắc

Nhôm hệ **Topal Prima** sử dụng sơn ngoài trời cao cấp của hãng Akzonobel, Tiger, Jotun, KCC,...

Trắng | Xám đá | Cafe | Ghi | Vân gỗ Decoral

PHỤ KIỆN ĐỒNG BỘ
TOPAL PRIMA

Bản lề chữ A mở quay 10''		Bản lề chữ A mở quay 12"/14"/16"		Bản lề chữ A mở hất 12"/14"/16"		Bản lề cối cửa sổ	
BL08-10''	Màu tiêu chuẩn 4 chiếc/hộp	BL06-12"/14"/16"	Màu tiêu chuẩn 4 chiếc/hộp	BL09-12"/14"/16"	Màu tiêu chuẩn 4 chiếc/hộp	BL03-01	Trắng/ Đen 20 chiếc/hộp

Bản lề cối cửa sổ		Bản lề cối 3D		Bản lề cối 2D		Thanh chống gió - 10"/12"	
BL03-02	Trắng/ Đen 10 chiếc/hộp	BL04-03 Chiều: Phải/ Trái	Trắng/ Đen 1 chiếc/túi	BL04-04 Chiều: Phải/ Trái	Trắng/ Đen 1 chiếc/túi	TC02-10"/12"	Màu tiêu chuẩn 6 chiếc/hộp

Tay nắm cài		Tay nắm cửa sổ - L57		Tay nắm cửa đi - L105		Tay nắm phụ gấp trượt	
TN01-01 Chiều: Phải/ Trái	Trắng/ Đen 8 chiếc/hộp	TN02-L75	Trắng/ Đen 4 bộ/hộp	TN03-03	Trắng/ Đen 1 bộ/hộp	TN04-01	Trắng/ Đen 4 chiếc/hộp

Tay nắm chữ D chính		Tay nắm chữ D phụ		Tay kéo cánh phụ		Nối chữ T-24.5	
TN05-01 Chiều: Phải/ Trái	Trắng/ Đen 1 bộ/hộp	TN05-02 Chiều: Phải/ Trái	Trắng/ Đen 1 bộ/hộp	TN06-01	Trắng/ Đen 4 chiếc/hộp	KH01-04	Màu tiêu chuẩn 10 bộ/túi

Điểm khóa biên - L6.5		Điểm khóa giữa		Hãm khóa đa điểm		Thân khóa đa điểm	
KH01-08	Màu tiêu chuẩn 20 chiếc/túi	KH01-09	Màu tiêu chuẩn 10 chiếc/túi	KH01-07	Màu tiêu chuẩn 20 chiếc/túi	KH02-18	Màu tiêu chuẩn 1 chiếc/hộp

Thân khóa đơn điểm		Miệng khóa		Ruột khóa hai đầu chìa		Ruột khóa núm vặn - quay ngoài	
KH02-19	Màu tiêu chuẩn 1 chiếc/hộp	KH02-20	Màu tiêu chuẩn 5 chiếc/túi	KH02-21	Màu tiêu chuẩn 1 chiếc/hộp	KH02-22	Màu tiêu chuẩn 1 chiếc/hộp

Ruột khóa núm vặn - quay trong		Bộ khóa cánh phụ cửa gấp trượt		Bộ khóa sò		Thanh khóa đa điểm cửa lùa	
KH02-23	Màu tiêu chuẩn 1 chiếc/hộp	KH02-24	Màu tiêu chuẩn 4 bộ/hộp	KH03-07 Chiều: Phải/ Trái	Trắng/ Đen 4 bộ/hộp	KH03-10	Màu tiêu chuẩn 1 chiếc/túi

Hãm khóa đa điểm cửa lùa		Khóa âm cửa lùa		Ruột khóa núm vặn cửa lùa		Bộ chốt rời	
KH03-15	Màu tiêu chuẩn 8 chiếc/túi	KH03-12 Chiều: Phải/ Trái	Trắng/ Đen 4 chiếc/hộp	KH03-14	Màu tiêu chuẩn 1 chiếc/hộp	CH01-01	Màu tiêu chuẩn 10 bộ/túi

Hãm chốt cánh phụ		Hãm chốt trên ngưỡng		Bộ chốt liền		Con lăn dưới gấp trượt	
CH03-02	Màu tiêu chuẩn 10 chiếc/túi	CH03-03	Màu tiêu chuẩn 10 chiếc/túi	CH04-01	Màu tiêu chuẩn 10 bộ/hộp	CL02-01	Trắng/ Đen 1 bộ/hộp

Con lăn trên gấp trượt		Con lăn đôi		Ép cánh		Chống xệ	
CL02-02	Trắng/ Đen 1 bộ/hộp	CL01-02	Màu tiêu chuẩn 4 chiếc/túi	KA-01	Màu tiêu chuẩn 20 bộ/túi	KA-02	Màu đen 50 bộ/hộp

PHỤ KIỆN ĐỒNG BỘ
TOPAL PRIMA

Ke chống vênh 20.5		Chống nhấc cửa lùa		Chặn cánh cửa gấp trượt		Bọ nhựa lắp nẹp tròn	
KA-05	Màu tiêu chuẩn 100 chiếc/túi	KA-06	Trắng/ Đen 20 chiếc/túi	KA-07	Màu đen 8 chiếc/túi	N-04	Màu đen 100 chiếc/túi
Nắp bịt mi chắn nước cửa lùa		**Chống đập cửa lùa**		**Nắp bịt đầu cánh**		**Nắp bịt ốp chân cánh cửa đi**	
N-05	Trắng/ Đen 20 cặp/túi	N-08	Màu đen 20 chiếc/túi	N-23	Trắng/ Đen 10 cặp/túi	N-12	Trắng/ Đen 10 cặp/túi
Nắp bịt đố động		**Nêm kính chống xệ Topal**		**Dẫn hướng cửa lùa**		**Nắp bịt ốp móc cửa lùa**	
N-14	Trắng/ Đen 10 cặp/túi	N-15	Màu đen 1kg/túi	N-16	Màu đen 10 chiếc/túi	N-17	Trắng/ Đen 20 chiếc/túi
Đệm bảo vệ tay nắm chữ D		**Hít cánh cửa gấp trượt**		**Ke ép góc PR5529 - 51.8mm**		**Ke ép góc PR5529 - 47.1mm**	
N-24	Trắng/ Đen 10 chiếc/túi	N-25	Trắng/ Đen 10 bộ/túi	KE-01	Màu tiêu chuẩn 100 chiếc/hộp	KE-02	Màu tiêu chuẩn 100 chiếc/hộp
Ke ép góc PR5530 - 43.8mm		**Ke ép góc PR5531 - 50.6mm**		**Ke ép góc PR5532 - 42.6mm**		**Pat liên kết PR5526 - 32.4mm**	
KE-06	Màu tiêu chuẩn 100 chiếc/hộp	KE-07	Màu tiêu chuẩn 100 chiếc/hộp	KE-08	Màu tiêu chuẩn 50 chiếc/hộp	KE-09	Màu tiêu chuẩn 100 chiếc/hộp

Pat liên kết PR5526 - 15.7mm		Ke vít lục giác 36.5*15.5	
KE-10	Màu tiêu chuẩn 100 chiếc/hộp	KE-18	Màu tiêu chuẩn 100 bộ/hộp
Ke vít lục giác 26.5*15.5		**Gioăng khung 3.5mm**	
KE-19	Màu tiêu chuẩn 100 bộ/hộp	G01-02	Màu đen 400m/cuộn
Gioăng đệm kính 2.5mm		**Gioăng chèn kính 4.5mm**	
G02-02	Màu đen 300m/cuộn	G03-03	Màu đen 200m/cuộn
Gioăng chèn kính 2.5mm		**Gioăng lông đen 7x5**	
G03-04	Màu đen 400m/cuộn	G04-7*5-1	Màu đen 450m/cuộn
		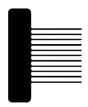	
Gioăng ốp cánh cửa gấp trượt			
G05-01	Màu đen 278 m/cuộn		

TOPAL SLIMA

THIẾT KẾ PHÙ HỢP

Với Chung cư, Căn hộ, Nhà mặt phố

THANH NHÔM THANH MẢNH, HIỆN ĐẠI, TỐI GIẢN

KÍN NƯỚC, CHỐNG ỒN TỐT

Bảng thông số profile TOPAL SLIMA

TOPAL KIẾN TẠO CHUẨN MỰC

Khung cửa mở quay		Đố T chia khung		Khung cửa mở quay 10cm		Đố T lớn	
SL48-01	4.103kg/6m	SL48-02	4.780kg/6m	SL-C4003	7.278kg/6m	SL-C4005	5.737kg/6m
1.1mm	4 thanh/bó	1.1mm	4 thanh/bó	1.3mm	4 thanh/bó	1.3mm	2 thanh/bó
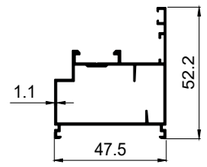		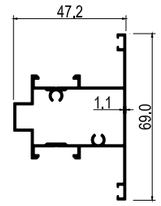		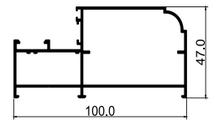		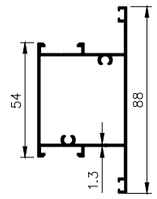	

Cánh cửa sổ liền nẹp		Cánh cửa sổ quay ngoài		Cánh cửa đi quay ngoài		Cánh cửa đi quay trong	
SL-C4026	4.833kg/6m	SL-C4030	4.440kg/6m	SL-C4027	5.580g/6m	SL-C4028	5.460kg/6m
1.0mm	6 thanh/bó	1.0mm	6 thanh/bó	1.1mm	4 thanh/bó	1.1mm	4 thanh/bó
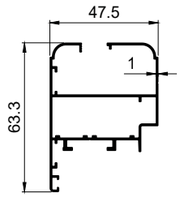		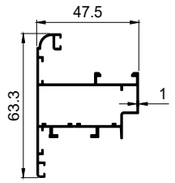		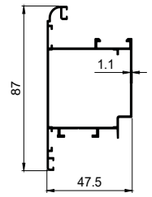		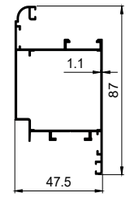	

Đố động		Nẹp kính tròn		Nẹp kính vuông		Ốp chân cánh có ngưỡng	
SL-C4010	4.344kg/6m	SL-C4029	1.020kg/6m	SL-C4012	1.284kg/6m	SL-C4013	1.104kg/6m
1.2mm	4 thanh/bó	1.1mm	10 thanh/bó	1.0mm	10 thanh/bó	1.0mm	10 thanh/bó
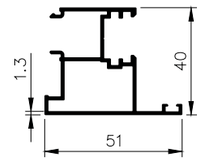		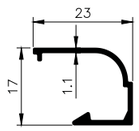		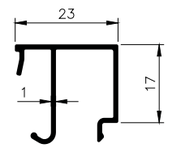		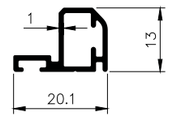	

Ngưỡng cửa		Ốp chân cánh không ngưỡng		Nẹp nối khung		Thanh nối khung C48	
SL-C4014	1.681kg/6m	SL-C4015	2.478kg/6m	SL48-03	1.600kg/6m	SL48-05	6.140kg/6m
1.4mm	8 thanh/bó	1.0mm	8 thanh/bó	1.5mm	10 thanh/bó	1.5mm	2 thanh/bó
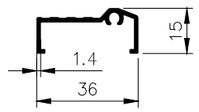		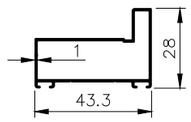		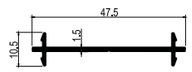		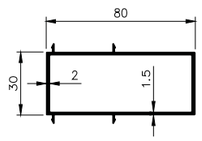	

MÃ GIAO DỊCH | TRỌNG LƯỢNG THIẾT KẾ | ĐỘ DÀY | QUY CÁCH ĐÓNG GÓI

Bảng thông số profile TOPAL SLIMA

Thanh nối khung 90 độ		Đố T tăng cứng		Pano nhôm		Pano phẳng	
SL48-06	4.887kg/6m	SL-C4031	7.580kg/6m	SL-PN01	2.100kg/6m	SL-PN02	2.040kg/6m
1.5mm	2 thanh/bó	1.5mm	4 thanh/bó	0.5mm	6 thanh/bó	0.5mm	6 thanh/bó
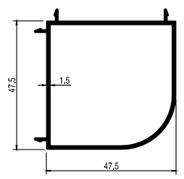		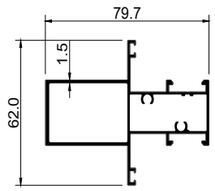		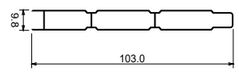		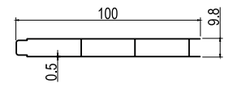	

Khung cửa lùa		Cánh cửa lùa		Ốp móc cánh cửa lùa		Mi chắn nước	
SL-S4501	4.942kg/6m	SL-S4502	4.944kg/6m	SL-S4503	1.710kg/6m	SL-S4504	1.164kg/6m
1.2mm	6 thanh/bó	1.2mm	8 thanh/bó	1.2mm	10 thanh/bó	1.0mm	10 thanh/bó
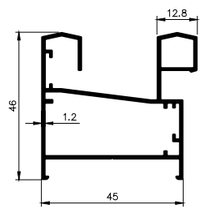		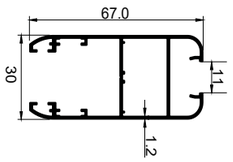		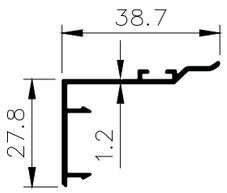		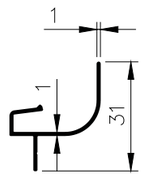	

Ốp đối đầu cánh cửa lùa		Ốp đa điểm cửa lùa		Nẹp nối khung C48		Ốp móc tăng cứng cửa lùa	
SL-S4505	1.533kg/6m	SL-S4506	1.434kg/6m	SL48-04	1.593kg/6m	SL-S4508	7.022kg/6m
1.3mm	10 thanh/bó	1.3mm	10 thanh/bó	1.5mm	10 thanh/bó	1.5mm	2 thanh/bó
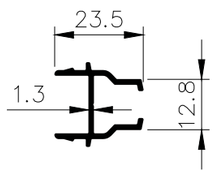		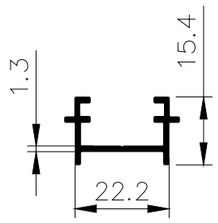		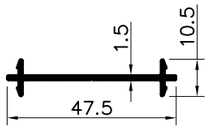		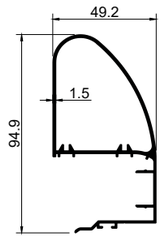	

Nẹp tròn chân sập							
SL48-08	1.224kg/6m						
1.1mm	10 thanh/bó						
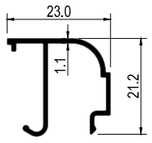							

MÃ GIAO DỊCH | TRỌNG LƯỢNG THIẾT KẾ | ĐỘ DÀY | QUY CÁCH ĐÓNG GÓI

Lựa chọn màu sắc Nhôm hệ **Topal Slima** sử dụng sơn ngoài trời cao cấp của hãng Akzonobel, Tiger, Jotun, KCC,...

Trắng | Cafe | Ghi | Vân gỗ

PHỤ KIỆN ĐỒNG BỘ TOPAL SLIMA

Bản lề chữ A mở quay 10''/ 12"/14"/16"		Bản lề chữ A mở hất 12"/14"/16"		Bản lề cối cửa sổ		Bản lề cối 2D	
BL08-10''/ 12"/14"/16"	Màu tiêu chuẩn	BL09-12"/14"/16"	Màu tiêu chuẩn	BL03-02	Trắng/ Đen	BL04-04	Trắng/ Đen
	4 chiếc/hộp		4 chiếc/hộp		10 chiếc/hộp	Chiều: Phải/ Trái	1 chiếc/túi

Thanh chống gió - 10"/12"		Tay nắm cài		Tay nắm cửa sổ - L40		Tay nắm cửa lùa - L25	
TC02-10"/12"	Màu tiêu chuẩn	TN01-02	Trắng/ Đen	TN02-L40	Trắng/ Đen	TN02-L25	Trắng/ Đen
	6 chiếc/hộp		8 chiếc/hộp		5 chiếc/hộp		5 chiếc/hộp

Tay nắm cửa đi		Nối chữ T		Điểm khóa biên		Hãm khóa đa điểm	
TN03-01	Trắng/ Đen	KH01-01	Trắng/ Đen	KH01-02	Màu tiêu chuẩn	KH01-03	Màu tiêu chuẩn
	2 bộ/hộp		10 bộ/túi		50 chiếc/túi		20 chiếc/túi

Thân khóa cửa đi đơn điểm		Miệng khóa cửa đi đơn điểm		Thân khóa cửa đi đa điểm		Miệng khóa cửa đi đa điểm	
KH02-25	Màu tiêu chuẩn	KH02-02	Màu tiêu chuẩn	KH02-03	Màu tiêu chuẩn	KH02-04	Màu tiêu chuẩn
	1 chiếc/hộp		5 chiếc/túi		1 chiếc/hộp		5 chiếc/túi

PHỤ KIỆN ĐỒNG BỘ
TOPAL SLIMA

Ruột khóa 2 đầu chìa	
KH02-26	Màu tiêu chuẩn 1 chiếc/hộp

Ruột khóa núm vặn - quay ngoài	
KH02-27	Màu tiêu chuẩn 1 chiếc/hộp

Ruột khóa núm vặn - quay trong	
KH02-28	Màu tiêu chuẩn 1 chiếc/hộp

Thanh đa điểm cửa lùa 1200mm	
KH03-05	Màu tiêu chuẩn 6 bộ/hộp

Hãm khóa đa điểm cửa lùa	
KH03-06	Màu tiêu chuẩn 12 chiếc/túi

Khóa sò	
KH03-01 Chiều: Phải/ Trái	Trắng/ Đen 4 chiếc/hộp

Miệng sò	
KH03-02	Màu tiêu chuẩn 4 chiếc/túi

Khóa âm cửa lùa	
KH03-03	Trắng/ Đen 1 bộ/hộp

Hãm khóa âm cửa lùa	
KH03-04	Màu tiêu chuẩn 4 chiếc/túi

Con lăn đôi	
CL01-01	Màu tiêu chuẩn 4 chiếc/túi

Bộ chốt rời	
CH01-01	Màu tiêu chuẩn 10 bộ/túi

Ép cánh	
KA-01	Màu tiêu chuẩn 20 bộ/túi

Chống xệ	
KA-02	Màu đen 50 bộ/hộp

Nắp bịt đố động	
N-01	Trắng/ Đen 10 cặp/túi

Bịt ốp chân cánh không ngưỡng	
N-02	Trắng/ Đen 10 cặp/túi

Bịt ốp chân cánh có ngưỡng	
N-03	Trắng/ Đen 10 cặp/túi

Bọ nhựa lắp nẹp tròn	
N-04	Màu đen 100 chiếc/túi

Bịt mi chắn nước cửa lùa	
N-05	Trắng/ Đen 20 cặp/túi

Chống nhấc cửa lùa	
N-06	Màu đen 20 chiếc/túi

Dẫn hướng cửa lùa	
N-07	Màu đen 10 chiếc/túi

Chống đập cửa lùa	
N-08	Màu đen 20 chiếc/túi

Nắp bịt ốp móc cửa lùa	
N-09	Trắng/ Đen 20 cặp/túi

Nắp bịt thanh giữa cửa lùa 4 cánh	
N-10	Màu đen 20 cặp/túi

Nêm kính chống xệ	
N-11	Màu đen 1kg/túi

Ke vít lục giác 36.5*15.5	
KE-18	Màu tiêu chuẩn 100 bộ/hộp

Ke vít lục giác 26.5*15.5	
KE-19	Màu tiêu chuẩn 100 bộ/hộp

Ke góc phụ cánh cửa đi	
KE-20	Màu tiêu chuẩn 100 chiếc/hộp

Gioăng khung 3.5mm	
G01-02	Màu tiêu chuẩn 400m/cuộn

Gioăng đệm kính 2.5mm	
G02-02	Màu tiêu chuẩn 300m/cuộn

Gioăng chèn kính 4.5mm	
G03-03	Màu tiêu chuẩn 200m/cuộn

Gioăng chèn kính 2.5mm	
G03-04	Màu tiêu chuẩn 400m/cuộn

Gioăng lông đen 7x5	
G04-7*5-1	Màu tiêu chuẩn 450m/cuộn

NHÔM HỆ TOPAL XFAD

Bảng thông số profile NHÔM HỆ TOPAL XFAD

Khung ô fix	Đố chia ô fix	Khung cửa sổ	Đố cố định cửa sổ
TPXF-3209	TPXF-3203	TPXF-3318	TPXF-3313
5.091kg/6m	5.795kg/6m	5.237kg/6m	6.193kg/6m
1.4mm	1.4mm	1.4mm	1.4mm
4 thanh/bó	4 thanh/bó	4 thanh/bó	4 thanh/bó
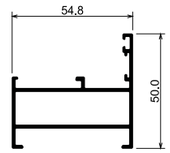	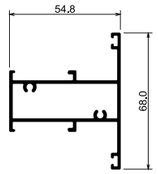	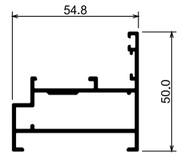	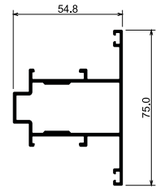

Lật khung	Cánh cửa sổ quay ngoài	Nẹp kính vuông 6-8mm	Khung cửa đi
TPXF-3208	TPXF-8092	TPXF-3296	TPXF-3328
4.485g/6m	6.577kg/6m	1.415kg/6m	7.513kg/6m
1.4mm	1.4mm	1.0mm	2.0mm
4 thanh/bó	2 thanh/bó	10 thanh/bó	2 thanh/bó
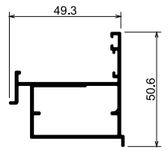	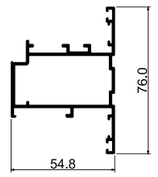	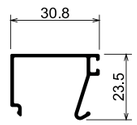	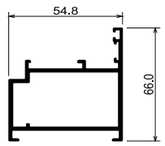

Cánh cửa đi quay ngoài	Cánh cửa đi quay trong	Đố động cửa đi, cửa sổ	Đố động cửa sổ mở quay
TPXF-3303	TPXF-3332	TPXF-3323A	TPXF-3033
8.490kg/6m	8.717kg/6m	5.777kg/6m	5.028kg/6m
2.0mm	2.0mm	1.5mm	1.4mm
2 thanh/bó	2 thanh/bó	2 thanh/bó	4 thanh/bó
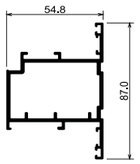	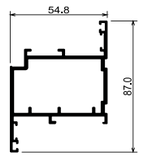	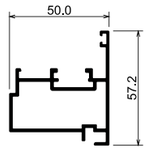	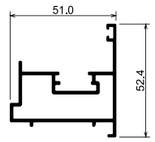

Đố động cửa đi mở quay	Thanh giữ phớt lông	Thanh ngang dưới cửa đi	Nẹp kính vuông 6-8mm
TPXF-3323	TPXF-3329	TPXF-3304	TPXF-3295
6.383kg/6m	2.594kg/6m	12.220kg/6m	1.739kg/6m
1.8mm	1.8mm	2.0mm	1.0mm
4 thanh/bó	10 thanh/bó	2 thanh/bó	10 thanh/bó
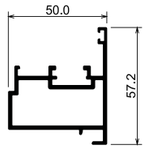	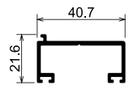	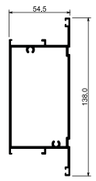	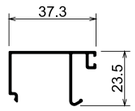

Nẹp kính hộp	Thanh khóa đa điểm	Nẹp nối khung hệ	Thanh nối khung 90 độ
TPXF-3236	TPXF-459	TPXF-3300	TPXF-3326
1.465kg/6m	0.817kg/6m	2.085kg/6m	7.607kg/6m
1.0mm	2.5mm	2.0mm	2.2mm
10 thanh/bó	20 thanh/bó	10 thanh/bó	2 thanh/bó
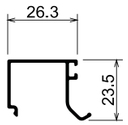	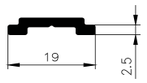	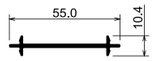	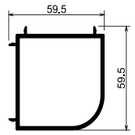

MÃ GIAO DỊCH | TRỌNG LƯỢNG THIẾT KẾ | ĐỘ DÀY | QUY CÁCH ĐÓNG GÓI

Bảng thông số profile NHÔM HỆ TOPAL XFAD

Thanh nối khung	Khung bao cửa đi 10cm	Ốp cửa đi không ngưỡng	Pano nhôm
TPXF-3310	TPXF-3328A	TPXF-3329A	TPXF-PN01
7.920kg/6m	11.793kg/6m	2.790kg/6m	2.280kg/6m
2.5mm	2.0mm	1.8mm	0.5mm
2 thanh/bó	2 thanh/bó	10 thanh/bó	6 thanh/bó
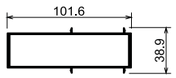	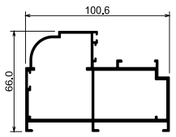	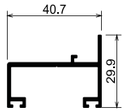	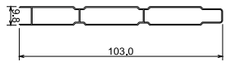

Pano phẳng	Phào chỉ 1 mặt	Khung ngang trên cửa lùa	Khung đứng cửa lùa
TPXF-PN02	TPXF-PH01	TPXF-1541	TPXF-1543
2.040kg/6m	2.940kg/6m	8.868kg/6m	6.958kg/6m
0.5mm	1.0mm	2.0mm	2.0mm
6 thanh/bó	10 thanh/bó	4 thanh/bó	4 thanh/bó
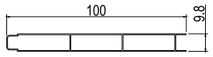	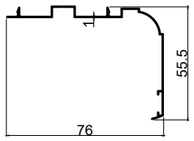	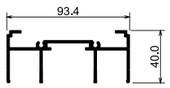	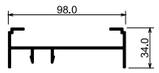

Khung ngang dưới cửa lùa	Cánh ngang trên cửa lùa	Cánh dưới trong cửa lùa	Cánh dưới ngoài cửa lùa
TPXF-1942	TPXF-1544	TPXF-1545	TPXF-1555
9.320kg/6m	6.013kg/6m	6.105kg/6m	7.488g/6m
2.0mm	2.0mm	2.0mm	2.0mm
4 thanh/bó	4 thanh/bó	4 thanh/bó	4 thanh/bó
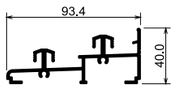	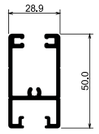	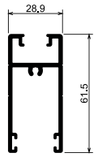	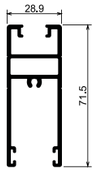

Cánh đứng cửa lùa	Cánh móc cửa lùa	Hèm cửa lùa 4 cánh	Khung ngang trên cửa lùa
TPXF-1546	TPXF-1547	TPXF-1548	TPXF-1551
7.730kg/6m	6.582kg/6m	3.798kg/6m	12.923kg/6m
2.0mm	2.0mm	2.0mm	2.0mm
4 thanh/bó	4 thanh/bó	10 thanh/bó	2 thanh/bó
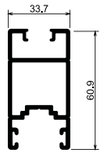	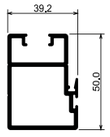	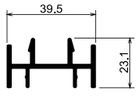	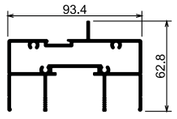

Khung ngang cửa lùa	Chuyển vách đứng cửa lùa	Chuyển vách ngang cửa lùa	Nẹp vách cửa lùa
TPXF-1559	TPXF-1549	TPXF-1578	TPXF-101
6.420kg/6m	4.350kg/6m	4.013kg/6m	0.884kg/6m
2.0mm	2.0mm	2.0mm	0.9mm
4 thanh/bó	4 thanh/bó	4 thanh/bó	10 thanh/bó
	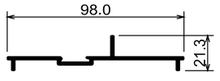	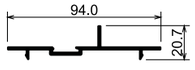	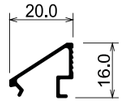

MÃ GIAO DỊCH | TRỌNG LƯỢNG THIẾT KẾ | ĐỘ DÀY | QUY CÁCH ĐÓNG GÓI

Lựa chọn màu sắc

Nhôm hệ Topal XFAD sử dụng son ngoài trời cao cấp của hãng Akzonobel, Tiger, Jotun, KCC,...

Trắng | Cafe | Ghi

Bảng thông số profile NHÔM HỆ TOPAL XFAD

Đố chia vách cửa lùa	Khung ngang dưới cửa lùa	Khung cửa lùa 55	Cánh cửa lùa 55
TPXF-2618	TPXF-17182	TPXF-5501	TPXF-5502
9.100kg/6m	7.827kg/6m	6.403kg/6m	5.564kg/6m
2.0mm	2.0mm	1.4mm	1.4mm
2 thanh/bó	4 thanh/bó	4 thanh/bó	6 thanh/bó
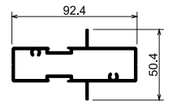	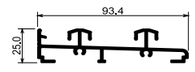	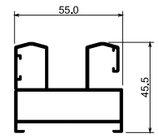	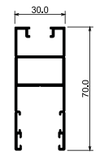

Ốp móc cửa lùa 55	Hèm 4 cánh cửa lùa 55	Mi chắn nước cửa lùa 55	Rãnh lắp thanh đa điểm 55
TPXF-5503	TPXF-5504	TPXF-5505	TPXF-5506
1.975kg/6m	2.390kg/6m	0.744kg/6m	1.350kg/6m
1.3mm	1.2mm	1.0mm	1.2mm
8 thanh/bó	4 thanh/bó	10 thanh/bó	6 thanh/bó
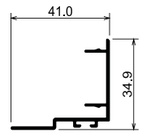	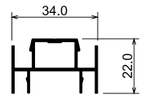	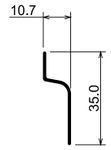	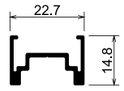

Ray trên cửa gấp trượt	Khung đứng cửa gấp trượt	Ray dưới cửa gấp trượt	Cánh cửa gấp trượt
TPXF-605	TPXF-606	TPXF-607	TPXF-523
18.670kg/6m	6.288kg/6m	6.413kg/6m	7.500kg/6m
3.0mm	1.5mm	1.5mm	1.5mm
2 thanh/bó	4 thanh/bó	4 thanh/bó	4 thanh/bó
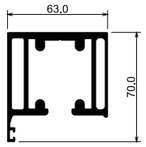	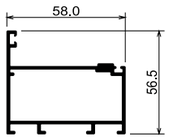	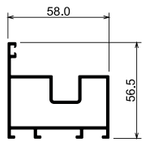	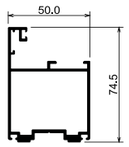

Nẹp cánh cửa gấp trượt	Nẹp kính cửa gấp trượt	Ray dưới âm sàn cửa gấp	Khung bao lá chớp
TPXF-520	TPXF-521	TPXF-2435	TPXF-1283
1.496kg/6m	1.423kg/6m	8.590kg/6m	1.905kg/6m
1.3mm	1.0mm	2.0mm	1.2mm
10 thanh/bó	10 thanh/bó	4 thanh/bó	10 thanh/bó
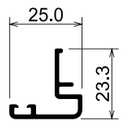	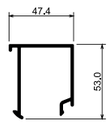	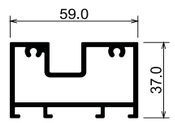	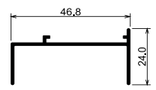

Lá chớp			
TPXF-192			
1.984kg/6m			
1.2mm			
20 thanh/bó			
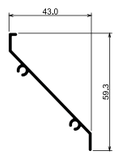			

MÃ GIAO DỊCH | TRỌNG LƯỢNG THIẾT KẾ | ĐỘ DÀY | QUY CÁCH ĐÓNG GÓI

Vân gỗ Topal XFAD cao cấp
được cung cấp bởi hãng Decoral (Ý):

Vân gỗ **Decoral**

Decoral System®

NHÔM HỆ TOPAL XFEC

Bảng thông số profile NHÔM HỆ TOPAL XFEC

Khung ô fix	Đố chia ô fix	Khung cửa sổ	Đố T cửa sổ	Lật khung
TPEC-3209	TPEC-3203	TPEC-3318	TPEC-3313	TPEC-3208
4.568kg/6m	5.478kg/6m	4.652kg/6m	5.598kg/6m	4.298kg/6m
1.2mm	1.2mm	1.2mm	1.2mm	1.2mm
4 thanh/bó	4 thanh/bó	4 thanh/bó	4 thanh/bó	4 thanh/bó
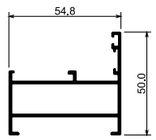	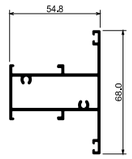	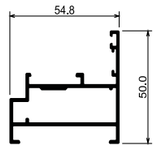	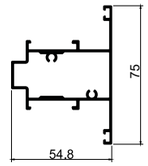	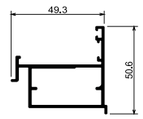

Cánh cửa sổ quay ngoài	Cánh cửa sổ quay ngoài	Khung cửa đi	Cánh cửa đi quay ngoài	Cánh cửa đi quay trong
TPEC-3202	TPEC-8092	TPEC-3328	TPEC-3303	TPEC-3332
6.190kg/6m	6.120kg/6m	5.260kg/6m	6.473kg/6m	6.493kg/6m
1.2mm	1.2mm	1.2mm	1.2mm	1.2mm
2 thanh/bó	2 thanh/bó	2 thanh/bó	2 thanh/bó	2 thanh/bó
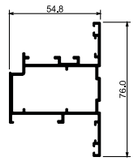	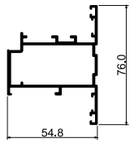	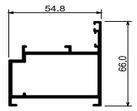	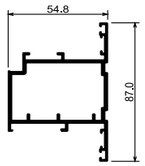	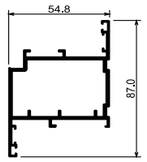

Ốp chân cánh cửa đi	Thanh ngang dưới cửa đi	Đố động cửa sổ mở quay	Đố động cửa đi mở quay	Nẹp kính vuông 6-8mm
TPEC-3329	TPEC-3304	TPEC-3033	TPEC-3323	TPEC-3295
2.125kg/6m	8.703kg/6m	5.220kg/6m	6.502kg/6m	1.719kg/6m
1.2mm	1.2mm	1.4mm	1.8mm	1.0mm
10 thanh/bó	2 thanh/bó	4 thanh/bó	4 thanh/bó	10 thanh/bó
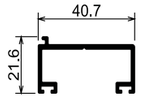	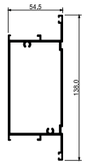	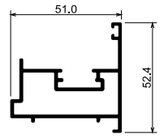	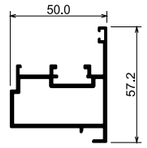	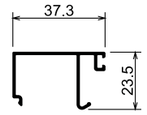

Nẹp kính vuông 6-8mm	Khung ngang trên cửa lùa	Khung đứng cửa lùa	Khung ngang dưới cửa lùa	Cánh ngang trên cửa lùa
TPEC-3296	TPEC-1541	TPEC-1543	TPEC-1942	TPEC-1544
1.474kg/6m	5.902kg/6m	4.857kg/6m	5.948kg/6m	3.997kg/6m
1.0mm	1.2mm	1.2mm	1.2mm	1.2mm
10 thanh/bó	4 thanh/bó	4 thanh/bó	4 thanh/bó	4 thanh/bó
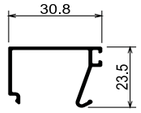	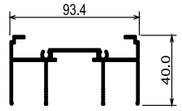	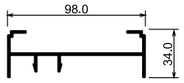	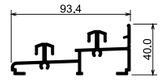	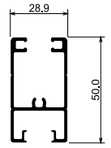

Cánh dưới trong cửa lùa	Cánh dưới ngoài cửa lùa	Cánh đứng cửa lùa	Cánh móc cửa lùa	Hèm cửa lùa 4 cánh
TPEC-1545	TPEC-1555	TPEC-1546	TPEC-1547	TPEC-1548
4.405kg/6m	5.240kg/6m	5.070kg/6m	4.445kg/6m	3.844kg/6m
1.2mm	1.2mm	1.2mm	1.2mm	2.0mm
4 thanh/bó	4 thanh/bó	4 thanh/bó	4 thanh/bó	10 thanh/bó
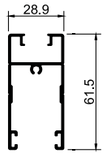	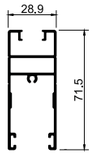	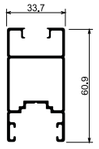	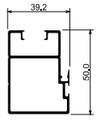	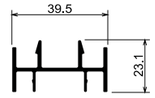

MÃ GIAO DỊCH | TRỌNG LƯỢNG THIẾT KẾ | ĐỘ DÀY | QUY CÁCH ĐÓNG GÓI

Lựa chọn màu sắc

Nhôm hệ Topal XFEC sử dụng sơn ngoài trời cao cấp của hãng Akzonobel, Tiger, Jotun, KCC,...

Trắng | Cafe | Ghi

NHÔM HỆ TOPAL 55

Bảng thông số profile NHÔM HỆ TOPAL 55

Khung bao cửa mở quay	Cánh cửa sổ mở quay	Cánh cửa đi mở quay	Đố chia khung	Đố động
TP55-01	TP55-02	TP55-03	TP55-04	TP55-05
4.957kg/6m	4.987g/6m	5.818kg/6m	4.653kg/6m	3.694kg/6m
1.1mm	1.0mm	1.1mm	1.0mm	1.0mm
4 thanh/bó	4 thanh/bó	4 thanh/bó	4 thanh/bó	6 thanh/bó
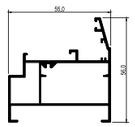	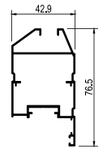	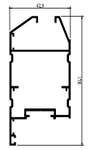	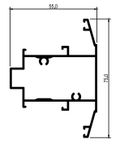	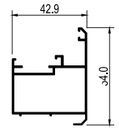

Đố chia cánh	Ốp đáy cửa đi	Nẹp kính	Pano nhôm	Pano phẳng
TP55-06	TP55-07	TP55-08	TP55-09	TP55-14
5.190kg/6m	1.927kg/6m	1.407kg/6m	2.244kg/6m	2.112kg/6m
1.0mm	1.0mm	1.0mm	0.5mm	0.5mm
4 thanh/bó	8 thanh/bó	10 thanh/bó	6 thanh/bó	6 thanh/bó
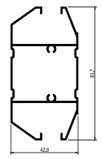	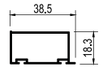		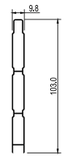	

Nối khung 90 độ	Phào chỉ 1 mặt	Khung bao mở quay 10cm	Cánh cửa đi mở quay vip	Cánh cửa sổ mở quay
TP55-15	TP55-16	TP55-17	TP55-18	TP55-19
7.792kg/6m	2.760kg/6m	7.920kg/6m	7.980kg/6m	5.100kg/6m
2.2mm	1.0mm	1.1mm	1.1mm	1.0mm
2 thanh/bó	10 thanh/bó	2 thanh/bó	2 thanh/bó	4 thanh/bó
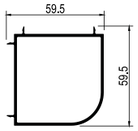	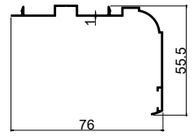	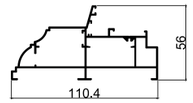	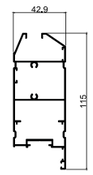	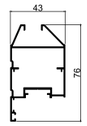

Cánh cửa đi mở quay	Đố chia cánh	Khung bao cửa lùa	Cánh cửa lùa	Ốp móc cửa lùa
TP55-20	TP55-21	TP55-10	TP55-11	TP55-12
5.700kg/6m	5.160kg/6m	4.580kg/6m	4.204kg/6m	1.884kg/6m
1.1mm	1.0mm	1.1mm	1.1mm	1.1mm
4 thanh/bó	4 thanh/bó	6 thanh/bó	6 thanh/bó	8 thanh/bó
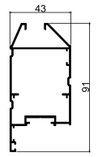	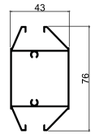	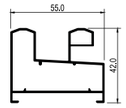	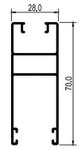	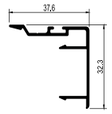

Ốp đối đầu cửa lùa
TP55-13
1.344kg/6m
1.0mm
10 thanh/bó
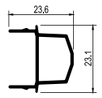

MÃ GIAO DỊCH | TRỌNG LƯỢNG THIẾT KẾ | ĐỘ DÀY | QUY CÁCH ĐÓNG GÓI

Lựa chọn màu sắc

Nhôm hệ TP55 sử dụng sơn ngoài trời cao cấp của hãng Akzonobel, Tiger, Jotun, KCC,...

Trắng | Cafe | Ghi | Vân gỗ TP55

NHÔM HỆ TOPAL VP

Bảng thông số profile NHÔM HỆ TOPAL VP

Khung bao cửa sổ		Cánh cửa sổ		Cánh cửa sổ có hèm		Đố T	
TPVP-4420	3.210kg/6m	TPVP-4410	4.282kg/6m	TPVP-4482	5.220kg/6m	TPVP-4405	4.173kg/6m
1.0mm	8 thanh/bó	1.0mm	4 thanh/bó	1.0mm	4 thanh/bó	1.1mm	4 thanh/bó
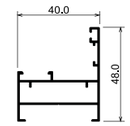		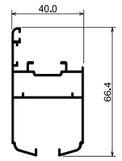		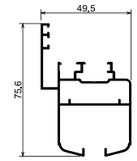		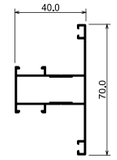	

Cánh cửa đi		Đố chia cánh lớn		Đố chia cánh nhỏ		Nẹp kính	
TPVP-4401	5.240kg/6m	TPVP-2672	7.076kg/6m	TPVP-2656	4.753kg/6m	TPVP-5016	1.341kg/6m
1.0mm	2 thanh/bó	1.2mm	3 thanh/bó	1.2mm	4 thanh/bó	0.9mm	10 thanh/bó
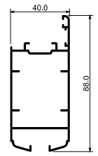				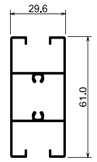		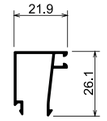	

Nẹp nối khung		Ke nối góc		Khung bao cửa đi		Cánh cửa đi	
TPVP-433	1.170kg/6m	TPVP-50300	4.320kg/6m	TPVP-450	4.108kg/6m	TPVP-4451	5.923kg/6m
1.2mm	10 thanh/bó		4 thanh/bó	1.1mm	4 thanh/bó	1.1mm	2 thanh/bó
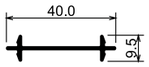		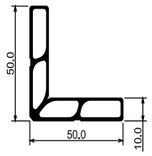		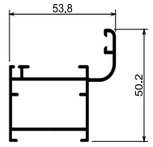		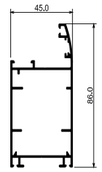	

Hèm cửa đi 2 cánh		Pano nhôm		Ke nối góc		Khung bao cửa lùa	
TPVP-H4504	1.693kg/6m	TPVP-S4332	2.160kg/6m	TPVP-4043	7.870kg/6m	TPVP-4417	4.000kg/6m
	10 thanh/bó	0.5mm	6 thanh/bó		4 thanh/bó	1.1mm	4 thanh/bó
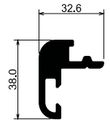		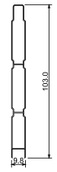		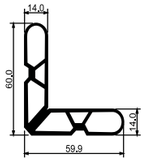		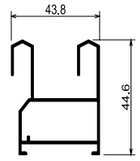	

Cánh cửa lùa		Ốp móc cửa lùa		Hèm cửa lùa 4 cánh			
TPVP-4488	3.546kg/6m	TPVP-44M	1.860kg/6m	TPVP-44N	1.658kg/6m		
1.1mm	6 thanh/bó	1.1mm	8 thanh/bó	1.1mm	10 thanh/bó		
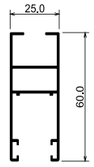		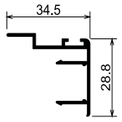		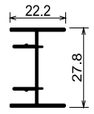			

MÃ GIAO DỊCH | TRỌNG LƯỢNG THIẾT KẾ | ĐỘ DÀY | QUY CÁCH ĐÓNG GÓI

Lựa chọn màu sắc

Nhôm hệ TPVP sử dụng sơn ngoài trời cao cấp của hãng Akzonobel, Tiger, Jotun, KCC,...

Trắng | Cát chảy | Ghi | Cafe | Vân gỗ đậm

TOPAL®
KIẾN TẠO CHUẨN MỰC

NHÔM TOPAL

HỆ PHỔ THÔNG

Bảng thông số profile NHÔM TOPAL

Máng trên	Máng dưới	Khung bao đứng	Cánh ngang trên	Cánh ngang dưới
TP-T5051	TP-T5052	TP-T5053	TP-T5054	TP-T5055
3.05kg/6m	2.75kg/6m	1.97kg/6m	1.66kg/6m	2.26kg/6m
0.8mm	0.8mm	0.8mm	0.8mm	0.8mm
6 thanh/bó	6 thanh/bó	8 thanh/bó	10 thanh/bó	6 thanh/bó
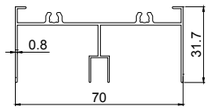	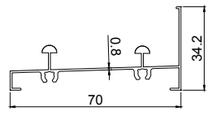	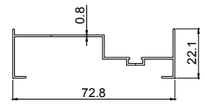	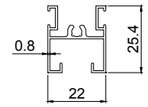	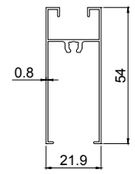

Cánh móc	Cánh đứng	Ghép máng	Trung gian	Khung bao
TP-T5056	TP-T5057	TP-T5058	TP-T5126	TP-S7002
1.90kg/6m	1.56kg/6m	1.53kg/6m	1.21kg/6m	2.80kg/6m
0.8mm	0.8mm	1.0mm	0.8mm	0.8mm
10 thanh/bó	10 thanh/bó	10 thanh/bó	10 thanh/bó	6 thanh/bó
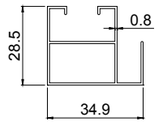	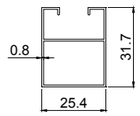	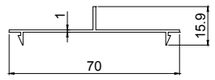	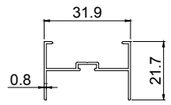	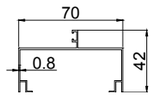

Cánh ngang	Cánh đứng trơn - 6m	Cánh đứng trơn-4.8m	Cánh đứng trơn-4.4m	Cánh đứng móc - 6m
TP-S7051	TP-S7052	TP-S7052	TP-S7052	TP-S7053
3.78kg/6m	2.91kg/6m	2.35kg/4.8m	2.16kg/4.4m	3.01kg/6m
0.8mm	0.8mm	0.8mm	0.8mm	0.8mm
6 thanh/bó	6 thanh/bó	6 thanh/bó	6 thanh/bó	6 thanh/bó
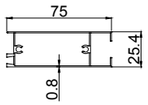	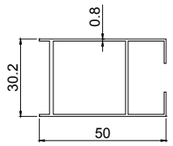	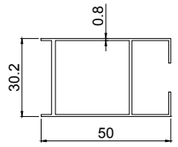	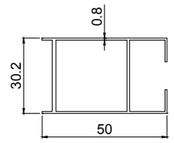	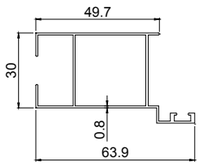

Cánh đứng móc-4.8m	Cánh đứng móc-4.4m	Lamri hộp	Lamri có chỉ	Ghép giữa 70x30
TP-S7053	TP-S7053	TP-S4330	TP-S4332	TP-S7005
2.51kg/4.8m	2.26kg/4.4m	2.61kg/6m	2.44kg/6m	5.22kg/6m
0.8mm	0.8mm	0.6mm	0.7mm	1.2mm
6 thanh/bó	6 thanh/bó	6 thanh/bó	6 thanh/bó	4 thanh/bó
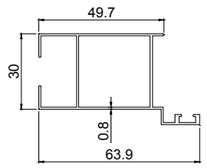	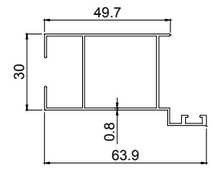	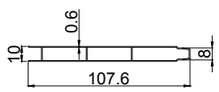	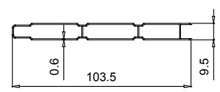	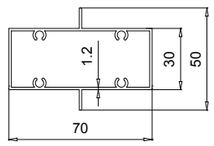

Ngang giữa 70x30	Hộp 2 gờ	Hộp 1 gờ	Khung bao gờ	Cánh ngang trên
TP-S7006	TP-S7011	TP-S7012	TP-S7019	TP-T7254
6.56kg/6m	3.00kg/6m	2.93kg/6m	2.16kg/6m	2.27kg/6m
1.2mm	0.8mm	0.8mm	0.8mm	1.0mm
4 thanh/bó	4 thanh/bó	4 thanh/bó	6 thanh/bó	8 thanh/bó
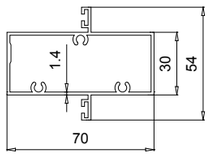	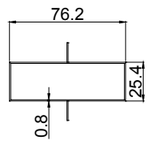	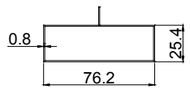	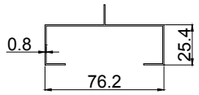	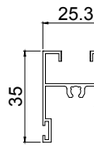

MÃ GIAO DỊCH | TRỌNG LƯỢNG THIẾT KẾ | ĐỘ DÀY | QUY CÁCH ĐÓNG GÓI

Bảng thông số profile NHÔM TOPAL

Cánh ngang dưới	Cánh móc	Cánh đứng	Máng trên	Máng dưới gờ thấp
TP-T7255	TP-T7256	TP-T7257	TP-T7621	TP-T7622
3.54kg/6m	2.77kg/6m	2.49kg/6m	4.00kg/6m	3.29kg/6m
1.0mm	0.9mm	0.8mm	1.1mm	1.1mm
8 thanh/bó	8 thanh/bó	8 thanh/bó	6 thanh/bó	6 thanh/bó

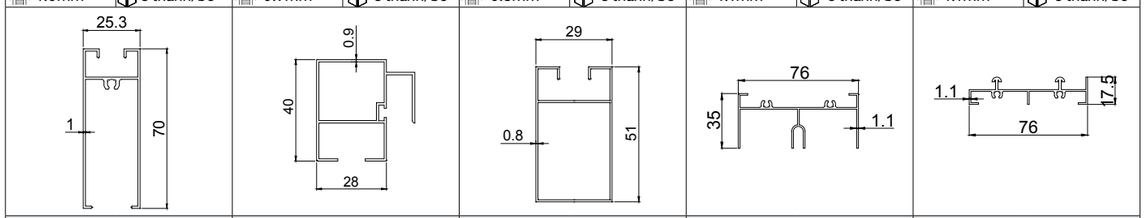

Khung bao đứng	Trung gian	Cánh đứng trơn-6m	Cánh đứng trơn-4.8m	Cánh đứng trơn-4.4m
TP-T7623	TP-T7626	TP-T7052A	TP-T7052A	TP-T7052A
2.56kg/6m	1.80kg/6m	5.15kg/6m	4.14kg/4.8m	3.80kg/4.4m
1.1mm	1.1mm	1.1mm	1.1mm	1.1mm
8 thanh/bó	10 thanh/bó	4 thanh/bó	4 thanh/bó	4 thanh/bó

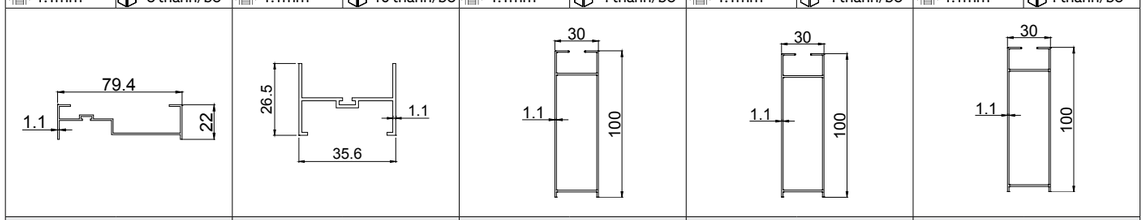

Cánh đứng móc - 6m	Cánh đứng móc-4.8m	Cánh đứng móc-4.4m	Khung bao	Khung đứng hở
TP-T7053A	TP-T7053A	TP-T7053A	TP-K141	TP-T1009
5.64kg/6m	4.72kg/4.8m	4.13kg/4.4m	3.99kg/6m	4.37kg/6m
1.1mm	1.1mm	1.1mm	1.0mm	1.2mm
4 thanh/bó	4 thanh/bó	4 thanh/bó	4 thanh/bó	4 thanh/bó

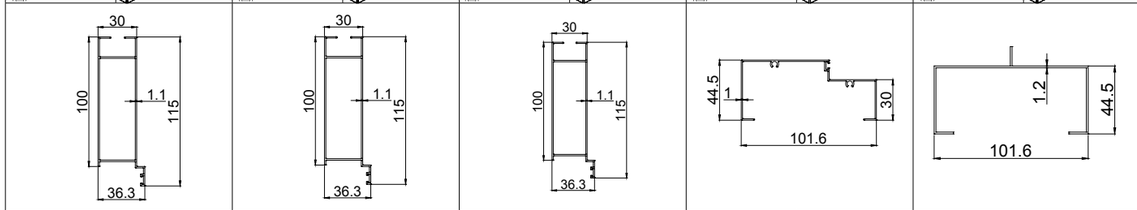

Đố ngang giữa	Khung đứng hông	Cánh ngang	Ghép khung	Đế nẹp gài 5mm
TP-T1001	TP-T1002	TP-T7054	TP-DK052	TP-S9841
6.43kg/6m	6.51kg/6m	5.01kg/6m	2.50kg/6m	0.72kg/6m
1.2mm	1.2mm	1.0mm	1.2mm	0.7mm
4 thanh/bó	4 thanh/bó	4 thanh/bó	10 thanh/bó	30 thanh/bó

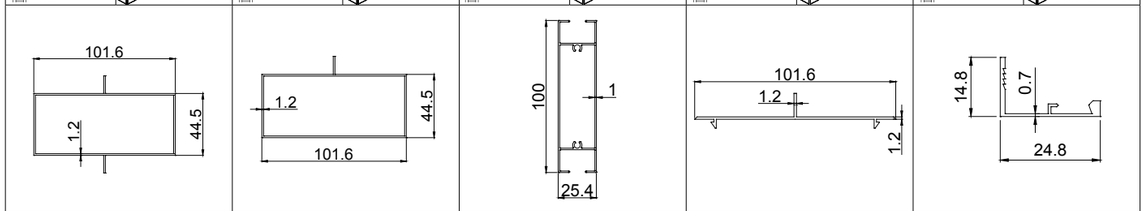

Nẹp gài 5mm	Đế nẹp gài 10mm	Nẹp gài 10mm	Đế nẹp bấu 10mm	Nẹp bấu 10mm
TP-S9842	TP-S3243	TP-S3242	TP-DK009	TP-DK010
0.44kg/6m	1.52kg/6m	0.75kg/6m	0.92kg/6m	0.55kg/6m
0.7mm	1.5mm	0.9mm	0.6mm	0.8mm
30 thanh/bó	20 thanh/bó	30 thanh/bó	20 thanh/bó	30 thanh/bó

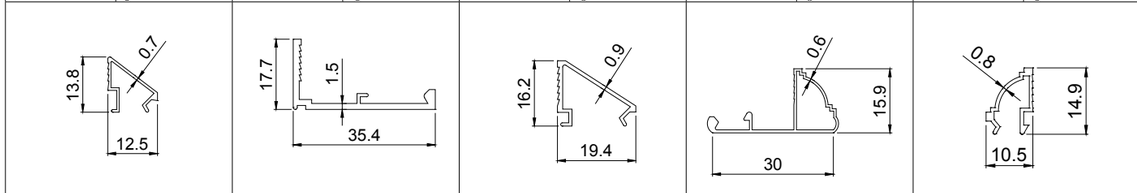

MÃ GIAO DỊCH | TRỌNG LƯỢNG THIẾT KẾ | ĐỘ DÀY | QUY CÁCH ĐÓNG GÓI

Bảng thông số profile NHÔM TOPAL

Nẹp U có chỉ 2 mặt	Lá sách 1 lỗ	Lá sách phẳng 1 mặt	Chữ E	Rày mỏng
TP-DK077	TP-T147	TP-T4223	TP-T9742	TP-T9744
1.44kg/6m	152kg/6m	1.82kg/6m	0.69kg/6m	0.57kg/6m
0.8mm	1.1mm	0.7mm	0.7mm	1.0mm
10 thanh/bó	10 thanh/bó	10 thanh/bó	20 thanh/bó	20 thanh/bó

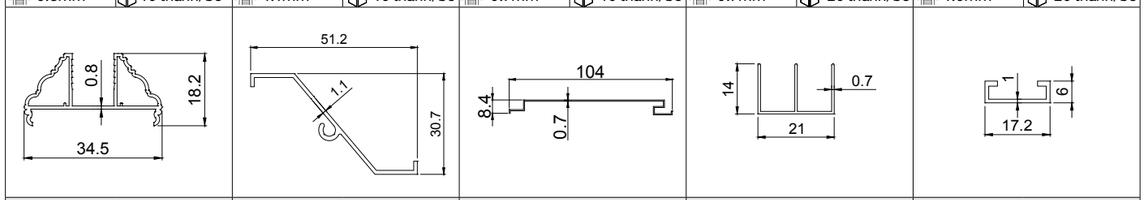

Kẹp kiến nhỏ	Bo 2 rãnh	Cánh tủ áo	Cánh tủ áo gờ	Cánh trơn
TP-T9745A	TP-S9759	TP-T9761	TP-T9764	TP-S9753A
1.19kg/6m	1.06kg/6m	1.30kg/6m	1.56kg/6m	0.85kg/6m
1.0mm	0.5mm	0.7mm	0.8mm	0.6mm
20 thanh/bó	10 thanh/bó	10 thanh/bó	10 thanh/bó	20 thanh/bó

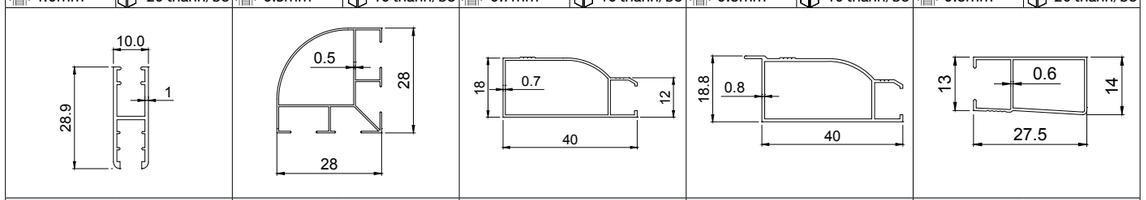

Cánh gờ	Hình hộp 76*44.4	Hình hộp 101.6*44.5	Hình hộp 76.2*25.4	Hình hộp 76*76
TP-S9754A	TP-S7004	TP-T1003	TP-S7013	TP-T6119
0.97kg/6m	3.78kg/6m	8.53kg/6m	2.14kg/6m	6.18kg/6m
0.6mm	0.9mm	1.8mm	0.7mm	1.2mm
20 thanh/bó	4 thanh/bó	2 thanh/bó	6 thanh/bó	2 thanh/bó

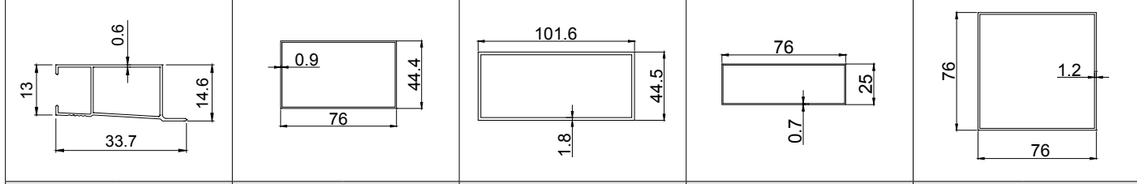

Hình hộp 25*25	Hình hộp 25*38	Hình hộp 25*50	Hình U 10x10	Hình U 12x12
TP-S6101	TP-S6102	TP-S6103	TP-S6001	TP-S6002
1.01kg/6m	1.36kg/6m	1.65kg/6m	0.49kg/6m	0.67kg/6m
0.6mm	0.6mm	0.6mm	1.1mm	1.1mm
10 thanh/bó	10 thanh/bó	10 thanh/bó	20 thanh/bó	20 thanh/bó

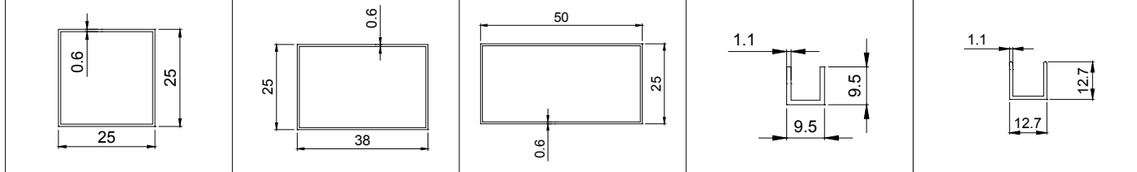

Hình V 12x12	Hình V 19x19	Hình V 25.4x25.4		
TP-S6201	TP-S6202	TP-S6203		
0.42kg/6m	0.76kg/6m	0.93kg/6m		
101mm	1.1mm	1.1mm		
20 thanh/bó	20 thanh/bó	20 thanh/bó		

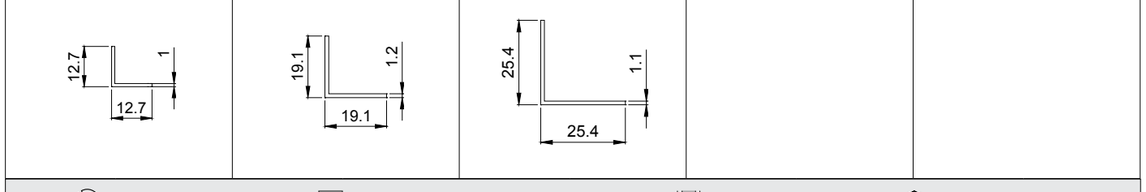

MÃ GIAO DỊCH | TRỌNG LƯỢNG THIẾT KẾ | ĐỘ DÀY | QUY CÁCH ĐÓNG GÓI

Lựa chọn màu sắc **Nhôm Topal hệ Phổ thông** sử dụng sơn ngoài trời cao cấp của hãng Akzonobel, Tiger, Jotun, KCC, Dong Tai...

Trắng | Ghi

Bảng thông số profile NHÔM TOPAL - HỆ MẶT DỰNG

Cây đứng mặt dựng	Cây đứng mặt dựng	Cây ngang mặt dựng	Nẹp giữ kính	Nắp nẹp giữ kính
MDTP-521	MDTP-651	MDTP-652	MDTP-653	MDTP-654
11.520kg/6m	15.600kg/6m	11.820kg/6m	3.000kg/6m	3.060kg/6m
2.0mm	2.5mm	2.5mm	2.3mm	1.5mm
1 thanh/bó	1 thanh/bó	2 thanh/bó	10 thanh/bó	10 thanh/bó
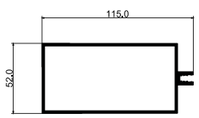	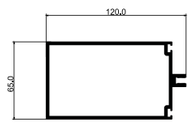	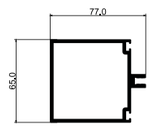	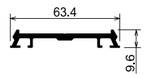	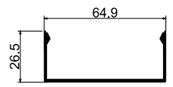

Lõi nối cây đứng mặt dựng	Pat liên kết cây đứng-ngang	Pat liên kết mặt dựng	Cây đứng mặt dựng	Cây ngang mặt dựng
MDTP-656	MDTP-657	MDTP-AV01	MDTP-491	MDTP-993
12.000kg/6m	10.770kg/6m	8.918kg/6m	14.400kg/6m	10.620kg/6m
2.5mm	2.5mm	6.0mm	2.5mm	2.5mm
1 thanh/bó	1 thanh/bó	2 thanh/bó	2 thanh/bó	2 thanh/bó
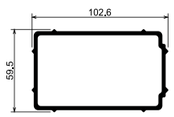	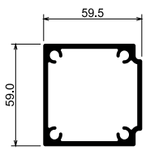		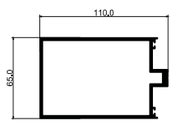	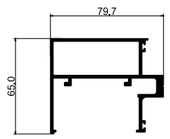

Nẹp giữ kính	Nắp nẹp giữ kính	Nẹp chụp đố ngang	Lõi nối đố đứng	Khung bao cửa sổ
MDTP-015	MDTP-066	MDTP-1073	MDTP-497	MDTP-1295
3.360kg/6m	2.700kg/6m	1.860kg/6m	11.700kg/6m	4.500kg/6m
3.0mm	1.5mm	1.5mm	2.5mm	1.5mm
10 thanh/bó	10 thanh/bó	10 thanh/bó	2 thanh/bó	4 thanh/bó
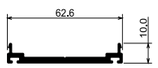	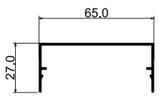	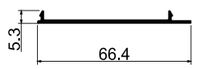	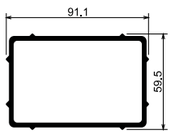	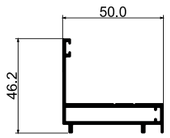

Cánh cửa sổ	Cánh cửa sổ	Thanh biên mặt dựng	Pat liên kết cây ngang	Thanh đố đứng 90
MDTP-1365	MDTP-1305	MDTP-491B	MDTP-865	MDTP-011
4.680kg/6m	5.700kg/6m	13.320kg/6m	7.320kg/6m	12.480kg/6m
1.5mm	1.5mm	2.5mm	3.5mm	2.5mm
4 thanh/bó	4 thanh/bó	2 thanh/bó	2 thanh/bó	2 thanh/bó
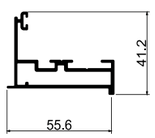	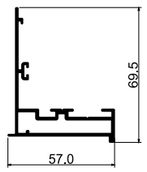	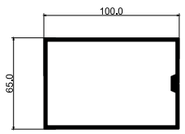	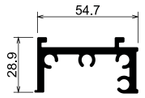	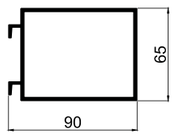

Thanh đố đứng 110	Lõi đố đứng 90	Lõi đố đứng 110	Thanh đố ngang trên	Thanh đố ngang dưới
MDTP-021	MDTP-017	MDTP-027	MDTP-803	MDTP-843
13.800kg/6m	10.500kg/6m	12.180kg/6m	8.700kg/6m	9.000kg/6m
2.5mm	2.5mm	2.5mm	2.0mm	2.0mm
2 thanh/bó	2 thanh/bó	2 thanh/bó	2 thanh/bó	2 thanh/bó
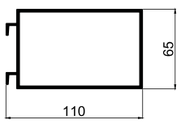	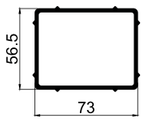	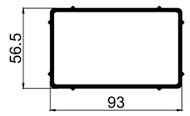	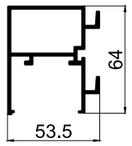	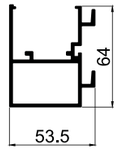

MÃ GIAO DỊCH | TRỌNG LƯỢNG THIẾT KẾ | ĐỘ DÀY | QUY CÁCH ĐÓNG GÓI

Bảng thông số profile NHÔM TOPAL - HỆ MẶT DỰNG

Thanh nối đố đứng-ngang	Thanh chốt đố ngang	Thanh khung dán kính	Thanh khung dán kính	Thanh khung dán kính
MDTP-825	MDTP-805	MDTP-348	MDTP-358	MDTP-208
6.300kg/6m	1.104kg/6m	2.364kg/6m	2.364kg/6m	2.340kg/6m
3.5mm	1.5mm	2.0mm	2.0mm	2.0mm
2 thanh/bó	10 thanh/bó	10 thanh/bó	10 thanh/bó	10 thanh/bó
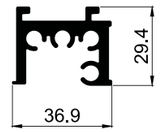	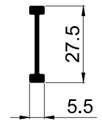	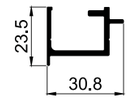	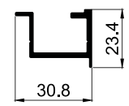	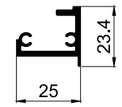

Thanh khung dán kính	Nẹp che đố ngang	Thanh kê kính đơn	Thanh kê kính hộp	Nối góc lồi 90 độ
MDTP-218	MDTP-403	MDTP-275	MDTP-285	MDTP-300
2.604kg/6m	1.224kg/6m	1.680kg/6m	2.520kg/6m	9.120kg/6m
2.0mm	1.2mm	2.0mm	2.0mm	3.0mm
10 thanh/bó	10 thanh/bó	10 thanh/bó	10 thanh/bó	2 thanh/bó
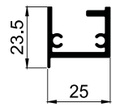	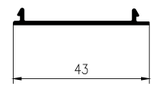	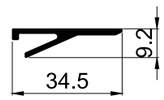	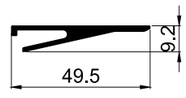	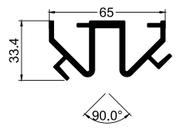

Khung bao cửa sổ	Cánh cửa sổ có móc	Kê kính hộp có móc	Kê kính đơn có móc	Thanh giữ kính hộp
MDTP-1315	MDTP-1275	MDTP-504	MDTP-255	MDTP-404
4.260kg/6m	5.760kg/6m	3.420kg/6m	2.700kg/6m	1.920kg/6m
1.5mm	1.5mm	2.0mm	1.5mm	2.0mm
4 thanh/bó	4 thanh/bó	6 thanh/bó	6 thanh/bó	10 thanh/bó
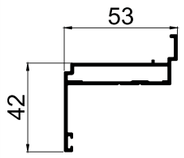	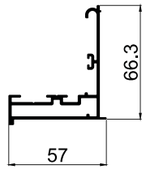	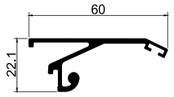	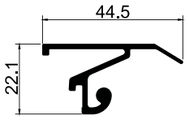	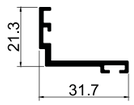

Thanh giữ kính đơn							
MDTP-534							
1.290kg/6m							
2.0mm							
10 thanh/bó							
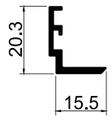							

MÃ GIAO DỊCH | TRỌNG LƯỢNG THIẾT KẾ | ĐỘ DÀY | QUY CÁCH ĐÓNG GÓI

Lựa chọn màu sắc **Nhôm Topal Hệ mặt dựng** sử dụng son ngoài trời cao cấp của hãng Akzonobel, Tiger, Jotun, KCC, Dong Tai...

Trắng | Cafe | Ghi

PROFILE ĐẶC BIỆT
HỖ TRỢ DỰ ÁN

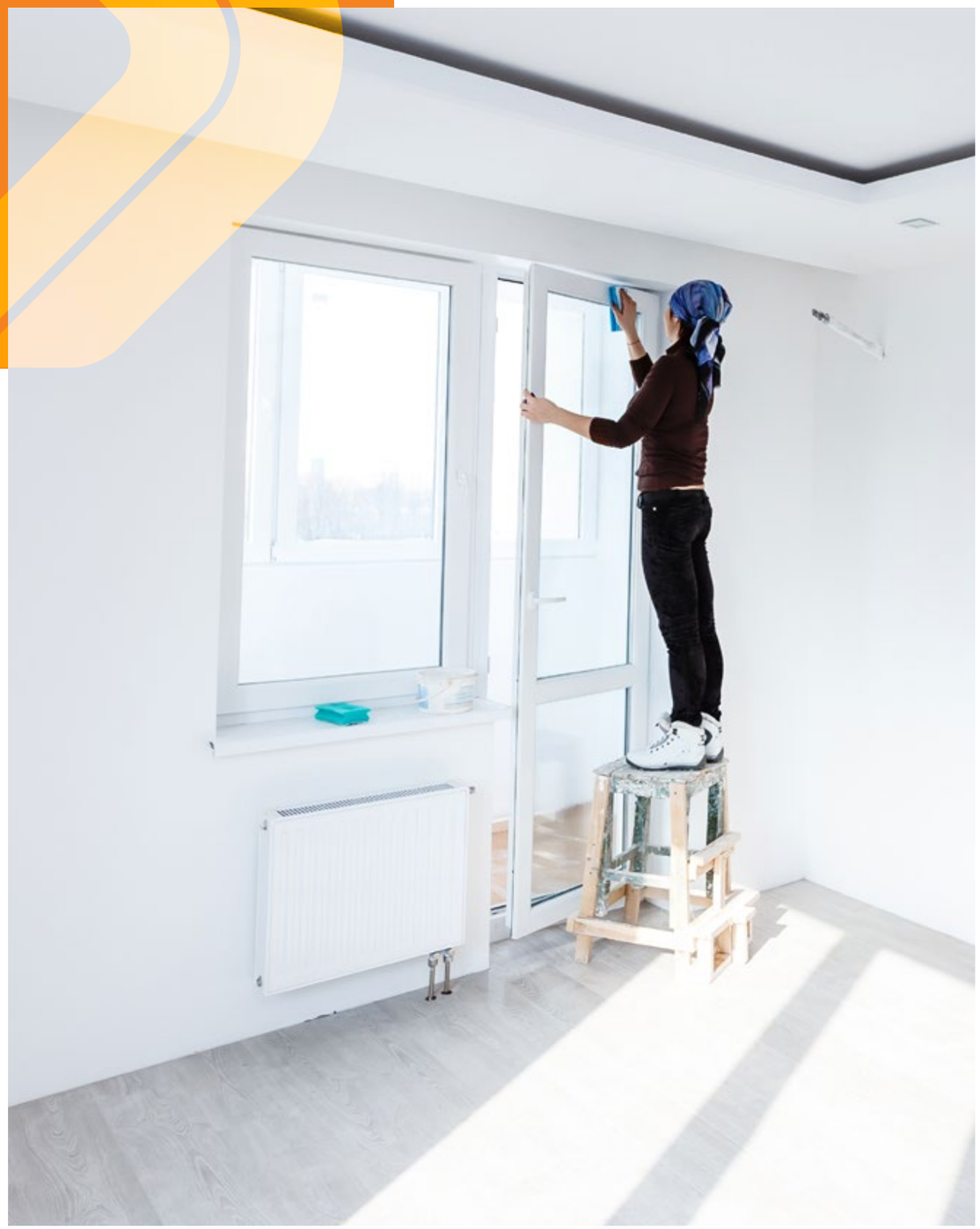

Lam nhôm ngoài		Lam nhôm nối		Thanh U-10x15		Lam nhôm hộp	
AD-LN001	2.721kg/6m	AD-LN002	2.800kg/6m	U-10x15	0.083kg/6m	SS60x120	1.297kg/6m
2.5mm		2.5mm		0.8mm		1.35mm	
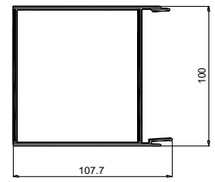		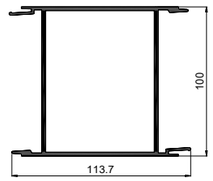		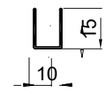		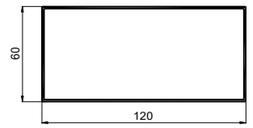	

Đố đứng ngang		Sập khung nhôm dọc ngang		Nẹp giữ kính		Nẹp dán kính	
SAG01	2.794kg/6m	SAG02	0.212kg/6m	SAG03	0.37kg/6m	SAG04	0.64kg/6m
2.0mm		1.5mm		3.0mm		3.0mm	
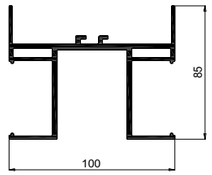		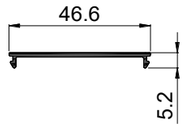		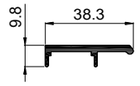		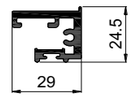	

Lam mái nghiêng		Liên kết lam đứng		Liên kết lam mái nghiêng		Đố đứng chính	
SAG05	2.405kg/5.4m	SAG06	10.38kg/6m	SAG07	1.400kg/5.4m	SA0001	5.391kg/6m
2.0mm		2.0mm		2.0mm		3.2mm	
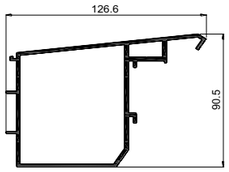		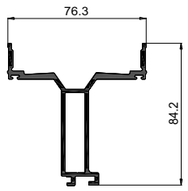		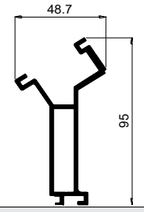		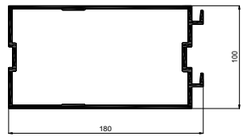	

Đố ngang		Nắp đậy đố ngang		Khuôn dán kính		Lõi nối đố đứng	
SA0002	3.174kg/6m	SA0002.1	0.376kg/6m	SA0008	0.594kg/6m	SA0005	4.445kg/6m
2.5mm		1.5mm		2.5mm		3.0mm	
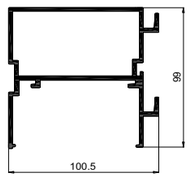		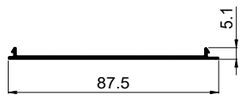		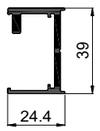		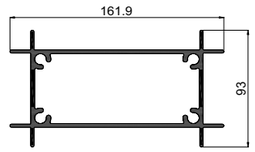	

Thanh chèn đố ngang		Thanh giữ đế lam		Thanh khuôn		Ke nối đố ngang	
PR55-15	0.191kg/6m	SA0007	1.318kg/6m	SA0009	0.454kg/6m	SA0006	1.891kg/6m
2.0mm		3.5mm		1.2mm		4.0mm	
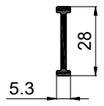		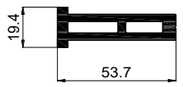		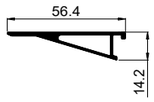		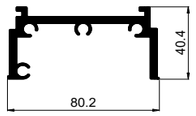	

MÃ GIAO DỊCH | TRỌNG LƯỢNG THIẾT KẾ | ĐỘ DÀY | QUY CÁCH ĐÓNG GÓI

PROFILE ĐẶC BIỆT HỖ TRỢ DỰ ÁN

Đố đứng góc 133 độ		Lam nhôm trong		Lam nhôm ngoài		Đế bắt lam phẳng	
SA001.1	4.85kg/6m	SA0004	2.579kg/6m	SA0004.1	2.062kg/6m	SA0003	0.953kg/6m
3.2mm		2.0mm		2.0mm		2.9mm	
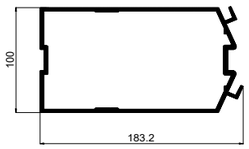		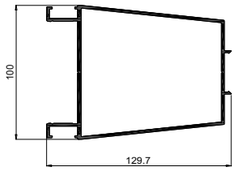		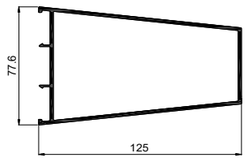		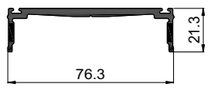	

Đế bắt lam góc 135 độ		Thanh che khe lam nhôm trong		Khung bao CSMD hệ 65 XFAD		Cánh CSMD hệ 65 XFAD	
SA0003.1	1.044kg/6m	SA0004.2	0.082kg/6m	GK1295	0.753kg/6m	GK1365	0.804kg/6m
2.3mm		1.1mm		1.5mm		1.5mm	
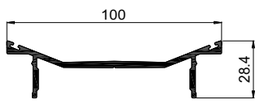		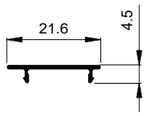		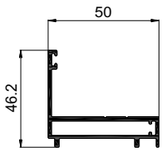		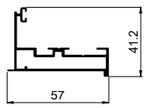	

Thanh đứng MD521 VPAD		Nẹp giữ kính MD522 VPAD		Ốp nẹp giữ kính MD523 VPAD		Thanh tăng cứng cửa lùa	
MD521	1.836kg/6m	MD522	0.441kg/6m	MD523	0.306kg/6m	SL0001	0.491kg/6m
2.0mm		2.5mm		1.3mm		2.0mm	
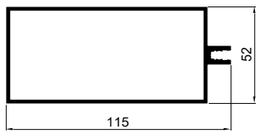		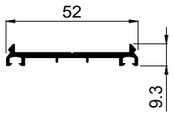		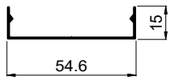		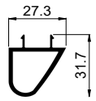	

Thanh tăng cứng cửa lùa		Thanh đứng		Thanh đứng		Nẹp giữ kính	
SL0002	1.173kg/6m	SA-5201	1.466kg/6m	SA-5202	1.253kg/6m	SA-5203	0.424kg/6m
2.0mm		1.5mm		1.5mm		1.8mm	
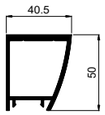		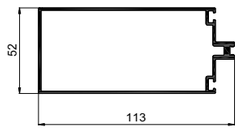		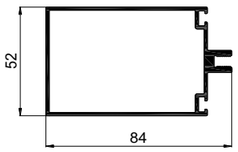		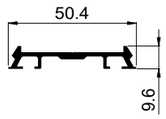	

Ốp nẹp giữ kính		Nan nhôm trang trí		Nan nhôm trang trí		Nan nhôm trang trí	
SA-5204	0.392kg/6m	AD-D70	3.812kg/6m	AD-D50	5.4kg/6m	AD-D30	0.456kg/6m
1.3mm		2.0mm		3.2mm		2.0mm	
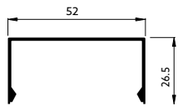		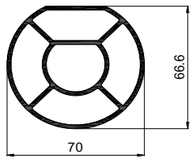		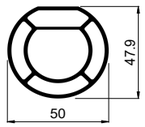		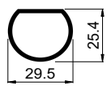	

MÃ GIAO DỊCH | TRỌNG LƯỢNG THIẾT KẾ | ĐỘ DÀY | QUY CÁCH ĐÓNG GÓI

Ke nhôm		Ke nhôm		Khung cánh đứng ngoài CĐT		Khung cánh đứng giữa CĐT	
AD-V3030	0.463kg/6m	AD-V2620	0.238kg/6m	D1546C	1.526kg/6m	D1547C	1.5kg/6m
3.0mm		2.0mm		2.0mm		2.0mm	
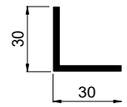		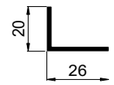		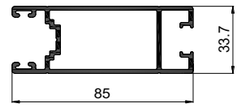		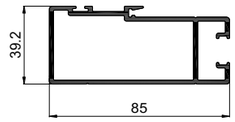	

Đố cố định đứng trợ lực		Thanh nhôm GK491 hệ 65 XFAD		Thanh GK993 hệ 65 XFAD		Thanh GK1073 hệ 65 XFAD	
C3234	1.15kg/6m	GK491	2.448kg/6m	GK993	1.809kg/6m	GK1073	0.287kg/6m
1.4mm		2.5mm		2.0mm		1.5mm	
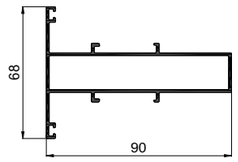		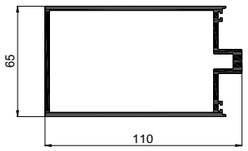		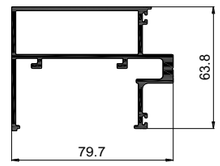		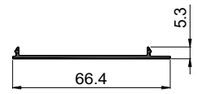	

Thanh GK015 hệ 65 XFAD		Thanh GK066 hệ 65 XFAD		Lõi GK497 hệ 65 XFAD		Lam lá liễu AD-1232	
GK015	0.578kg/6m	GK066	0.405kg/6m	GK497	1.953kg/6m	AD-1232	1.445kg/6m
3.0mm		1.2mm		2.5mm		1.3mm	
		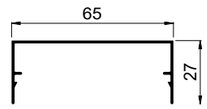		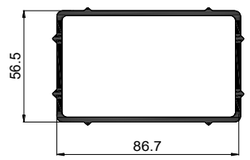		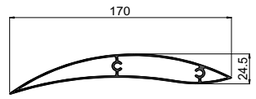	

Lam lá liễu AD-1232A		Thanh đố đứng GK281		Lam nhôm GK287		Thanh đố đứng GK251	
AD-1232A	1.068kg/6m	GK281	3.463kg/6m	GK287	3.008kg/6m	GK251	2.514kg/6m
3.0mm		2.8 - 3.5mm		3.0mm		3.0mm	
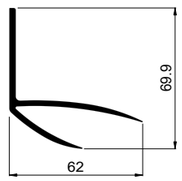		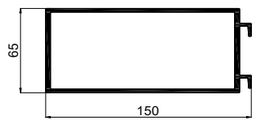		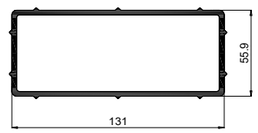		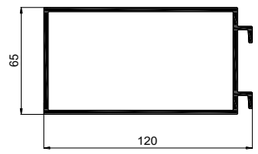	

Thanh đố ngang GK923							
GK923	2.744kg/6m						
3.0mm							
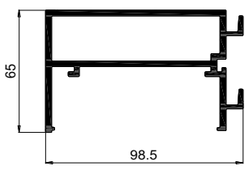							

MÃ GIAO DỊCH | TRỌNG LƯỢNG THIẾT KẾ | ĐỘ DÀY | QUY CÁCH ĐÓNG GÓI

CHỨNG CHỈ CHẤT LƯỢNG QUỐC TẾ

TỔNG CỤC TIÊU CHUẨN ĐO LƯỜNG CHẤT LƯỢNG

TRUNG TÂM CHỨNG NHẬN PHÙ HỢP (QUACERT)

QUACERT

GIẤY CHỨNG NHẬN

Sản phẩm: Hợp kim nhôm dạng profile dùng chế tạo cửa sổ và cửa đi: mác 6063 (Al Mg0,7Si)-T5

với nhãn hiệu thương mại TOPAL

của

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN AUSTDOOR

Trụ sở: Số 35A, Đường số 1, Phố Trần Thái Tông, Phường Dịch Vọng, quận Cầu Giấy, Hà Nội, Việt Nam
Chi nhánh Hưng Yên: Thôn Phan Bôi, phường Dị Sử, thị xã Mỹ Hào, tỉnh Hưng Yên, Việt Nam

phù hợp với Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia

QCVN 16:2017/BXD

và được phép sử dụng Dấu hợp quy QUACERT 1800 - 17

Phương thức đánh giá: Phương thức 5 (theo Thông tư số 28/2012/TT-BKHCN ngày 12/12/2012)

Số Giấy chứng nhận: 1800 *Mã số:* 1800-20-00/02

Hiệu lực Giấy chứng nhận: từ ngày 12/05/2020 đến ngày 11/05/2023

GIÁM ĐỐC

TRUNG TÂM CHỨNG NHẬN PHÙ HỢP

Phạm Lê Cường

QUACERT – 8 Hoàng Quốc Việt, Cầu Giấy, Hà Nội, Việt Nam.
Hiệu lực của Giấy chứng nhận này có thể được kiểm tra tại www.quacert.gov.vn

TỔNG CỤC TIÊU CHUẨN ĐO LƯỜNG CHẤT LƯỢNG

TRUNG TÂM CHỨNG NHẬN PHÙ HỢP (QUACERT)

QUACERT

GIẤY CHỨNG NHẬN

Chứng nhận Hệ thống Quản lý Chất lượng của

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN AUSTDOOR

Trụ sở: Số 35A, đường số 1, phố Trần Thái Tông, phường Dịch Vọng, quận Cầu Giấy, Hà Nội, Việt Nam
Chi nhánh Hưng Yên: Thôn Phan Bôi, phường Dị Sử, thị xã Mỹ Hào, tỉnh Hưng Yên, Việt Nam

đã được đánh giá và xác nhận phù hợp với yêu cầu của tiêu chuẩn

TCVN ISO 9001:2015 / ISO 9001:2015

Phạm vi được chứng nhận: Sản xuất và Cung cấp cửa cuốn, Nhôm thanh định hình

Số Giấy chứng nhận: HT 2356/5.20.17

Hiệu lực Giấy chứng nhận: từ ngày 12/05/2020 đến ngày 11/05/2023

Ngày chứng nhận lần đầu: 17/03/2011

QUACERT JAS-ANZ IAF

TỔNG CỤC TRƯỞNG — ThS. Trần Văn Vinh

CHỦ TỊCH — TS. Phạm Hồng

GIÁM ĐỐC — ThS. Phạm Lê Cường

TRUNG TÂM CHỨNG NHẬN PHÙ HỢP

QUACERT – 8 Hoàng Quốc Việt, Cầu Giấy, Hà Nội, Việt Nam.
Hiệu lực của Giấy chứng nhận này có thể được kiểm tra tại www.quacert.gov.vn và www.jas-anz.org/register

CHỨNG CHỈ CHẤT LƯỢNG QUỐC TẾ

TOPAL®
KIẾN TẠO CHUẨN MỰC

Interpon
POWDER COATINGS

AkzoNobel

Interpon D2525
25 years
Gold Global Warranty

This is to certify that:

Công ty cổ phần tập đoàn Austdoor - nhà máy Austdoor Hưng Yên

KM số 7, Quốc Lộ 39, Yên Mỹ, Hưng Yên, Việt Nam

GOLD

Interpon D Approved Applicator

Of

Interpon D1036
Interpon D2525

On

Aluminum Substrate
(Chrome Six, 6060 and 6063 Aluminum)

For the period from 13th *Feb 2020* to 13th *Feb 2022*
Thereafter a new certificate of approval will be required.

This certificate is issued in recognition that the pre-treatment, application and quality management systems and procedures as assessed by AkzoNobel Vietnam comply with the requirements of the Interpon D Approved Applicators Manual and the requirements of AAMA2604.

Signature: ***Maximilien Schreder***
(Commercial Director, South Asia)

Signature: ***Mai Xuan Phong***
(Customer Technical Service Manager)

Approval Certificate Number: ***VN 2503-20***

Approved Applicator (repeated down the right margin)

Akzo Nobel Powder Coatings (Vietnam) Co. Ltd Road No.2 Nhon Trach I Industrial Zone, Dong Nai Province, Vietnam

VIỆN KHCN XÂY DỰNG

VIỆN KHOA HỌC CÔNG NGHỆ XÂY DỰNG
Vietnam Institute for Building Science and Technology
VIỆN CHUYÊN NGÀNH KẾT CẤU CÔNG TRÌNH XÂY DỰNG
Institute of Building Structures
Add: 81 Trần Cung - Nghĩa Tân - Cầu Giấy - Hà Nội - Tel: 04.62670817 - Fax: 04.62692708
Website: vienketcau.vn

BÁO CÁO KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM
HỆ CỬA NHÔM KÍNH

ĐỊA ĐIỂM THỬ NGHIỆM: VIỆN CHUYÊN NGÀNH KẾT CẤU CÔNG TRÌNH XÂY DỰNG - VIỆN KHOA HỌC CÔNG NGHỆ XÂY DỰNG - SỐ 81 TRẦN CUNG - NGHĨA TÂN - CẦU GIẤY - HÀ NỘI
HỢP ĐỒNG SỐ: 260/2017 VKC
KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM:

1. Cửa sổ mở quay TOPAL SLIMA đạt độ cách âm: 28dB
2. Cửa sổ mở quay TOPAL SLIMA đạt độ kín nước: 350 Pa

Theo tiêu chuẩn EN-1027 & EN-140/3

Hà Nội, ngày 04 tháng 12 năm 2017

Chủ trì : TS. Vũ Thành Trung
Cộng tác viên : Ths. Phạm Trung Thành
Ks. Nguyễn Ngọc Huy

PHÒNG NGHIÊN CỨU THỬ NGHIỆM GIÓ	PHÒNG TỔNG HỢP	VIỆN CHUYÊN NGÀNH KẾT CẤU CÔNG TRÌNH XÂY DỰNG
Ths. Hồ Hữu Thắng		GIÁM ĐỐC TS. Lê Minh Long

CHỨNG CHỈ CHẤT LƯỢNG QUỐC TẾ

TOPAL
KIẾN TẠO CHUẨN MỰC

TỔNG CỤC TIÊU CHUẨN ĐO LƯỜNG CHẤT LƯỢNG
TRUNG TÂM KỸ THUẬT TIÊU CHUẨN ĐO LƯỜNG CHẤT LƯỢNG 2
DIRECTORATE FOR STANDARDS, METROLOGY AND QUALITY
QUALITY ASSURANCE & TESTING CENTRE 2
Website: quatest2.com.vn; Email: quatest2@quatest2.com.vn

Số (Nº): 5330-K4/KT2 — Ngày/Date of issue: 27/11/2017 — Trang/Page:1/1

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM
TEST REPORT

1. Tên mẫu/*Name of sample*: CỬA ĐI NHÔM TOPAL SLIMA
2. Khách hàng/*Client*: CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN AUSTDOOR
3. Địa chỉ/*Address*: Số 35A đường số 1, phố Trần Thái Tông, phường Dịch Vọng, quận Cầu Giấy, thành phố Hà Nội
4. Ngày nhận mẫu/*Date of receiving*: 23/11/2017
5. Ngày thử nghiệm/*Date of testing*: từ ngày/*from*: 23/11/2017 đến ngày/*to*: 27/11/2017
6. Tình trạng mẫu/ *State of sample*: Mẫu là 01 bộ cửa nhôm, có kính.
7. Ký hiệu mẫu/*Mark of sample*: -
8. Số lượng mẫu/*Quantity*: 01 mẫu
9. Kết quả thử nghiệm/*Test results*:

TT/ *Items*	CHỈ TIÊU, ĐƠN VỊ TÍNH/ *Test properties, unit*		PHƯƠNG PHÁP THỬ/ *Test methods*	KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM/ *Test results*
01	Độ kín nước: *(Áp lực 200Pa)*	-	TCVN 7452-2:2004	***Nước không xâm nhập vào mặt trong của cửa***
02	Độ bền áp lực gió:		TCVN 7452-3:2004	
	- Biến dạng lớn nhất khi P= 100Pa	mm		***0,10***
	- Biến dạng lớn nhất khi P= 200Pa	mm		***0,42***
	- Biến dạng lớn nhất khi P= 300Pa	mm		***0,81***
	- Biến dạng lớn nhất khi P= 400Pa	mm		***1,35***
	- Biến dạng lớn nhất khi P= 500Pa	mm		***2,06***
	- Tình trạng mẫu sau khi thử	-		***Cửa và phụ kiện không bị hư hỏng***

Ghi chú/*Notes*: -

- Tên mẫu, ký hiệu mẫu, tên khách hàng, tên hợp đồng được ghi theo yêu cầu khách hàng/*The sample, mark, client and contract are named by client's requirements.*
- Kết quả thử nghiệm chỉ có giá trị trên mẫu thử do khách hàng gửi đến /*The test results are valid only for the recieved sample from client.*
- Phiếu kết quả này không được trích sao nếu chưa có sự đồng ý bằng văn bản của Trung tâm Kỹ thuật 2/*This Test report not be reproduced except in full without the written approval of QUATEST 2.*

TRƯỞNG PHÒNG KỸ THUẬT 4
Head of Technical Division 4
Phạm Hồng Sơn

KT.GIÁM ĐỐC
Director
PHÓ GIÁM ĐỐC
Tạ Ngọc Tú

KT2.QT.30/B.05/15.7.2016-(K4/2)

Trụ sở: 02 Ngô Quyền & 97 Lý Thái Tổ - Đà Nẵng; Fax: 3910064 – 3820868; ĐT (Nhận mẫu): 0236 3848376 – 3833009; Kế toán: 3830586; K1: 3831824; K2: 3848338; K3: 3831049; K4: 3921924; K5: 2468589; K6: 3923238; K7: 3606367; K8: 6278889; K9: 2468139; K10: 3575376; N1: 3821113; N2: 2681469; CL: 3833010; TT: 2621068; VPĐDQN: ĐT&Fax - 0255 3713231.

TỔNG CỤC TIÊU CHUẨN ĐO LƯỜNG CHẤT LƯỢNG
TRUNG TÂM KỸ THUẬT TIÊU CHUẨN ĐO LƯỜNG CHẤT LƯỢNG 2
DIRECTORATE FOR STANDARDS, METROLOGY AND QUALITY
QUALITY ASSURANCE & TESTING CENTRE 2
Website: quatest2.com.vn; Email: quatest2@quatest2.com.vn

Số (Nº): 5331-K4/KT2 — Ngày/Date of issue: 27/11/2017 — Trang/Page:1/1

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM
TEST REPORT

1. Tên mẫu/*Name of sample*: CỬA SỔ NHÔM TOPAL SLIMA
2. Khách hàng/*Client*: CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN AUSTDOOR
3. Địa chỉ/*Address*: Số 35A đường số 1, phố Trần Thái Tông, phường Dịch Vọng, quận Cầu Giấy, thành phố Hà Nội
4. Ngày nhận mẫu/*Date of receiving*: 23/11/2017
5. Ngày thử nghiệm/*Date of testing*: từ ngày/*from*: 23/11/2017 đến ngày/*to*: 27/11/2017
6. Tình trạng mẫu/ *State of sample*: Mẫu là 01 bộ cửa nhôm, có kính.
7. Ký hiệu mẫu/*Mark of sample*: -
8. Số lượng mẫu/*Quantity*: 01 mẫu
9. Kết quả thử nghiệm/*Test results*:

TT/ *Items*	CHỈ TIÊU, ĐƠN VỊ TÍNH/ *Test properties, unit*		PHƯƠNG PHÁP THỬ/ *Test methods*	KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM/ *Test results*
01	Độ kín nước: *(Áp lực 200Pa)*	-	TCVN 7452-2:2004	***Nước không xâm nhập vào mặt trong của cửa***
02	Độ bền áp lực gió:		TCVN 7452-3:2004	
	- Biến dạng lớn nhất khi P= 100Pa	mm		***0,04***
	- Biến dạng lớn nhất khi P= 200Pa	mm		***0,17***
	- Biến dạng lớn nhất khi P= 300Pa	mm		***0,39***
	- Biến dạng lớn nhất khi P= 400Pa	mm		***0,82***
	- Biến dạng lớn nhất khi P= 500Pa	mm		***1,12***
	- Tình trạng mẫu sau khi thử	-		***Cửa và phụ kiện không bị hư hỏng***

Ghi chú/*Notes*: -

- Tên mẫu, ký hiệu mẫu, tên khách hàng, tên hợp đồng được ghi theo yêu cầu khách hàng/*The sample, mark, client and contract are named by client's requirements.*
- Kết quả thử nghiệm chỉ có giá trị trên mẫu thử do khách hàng gửi đến /*The test results are valid only for the recieved sample from client.*
- Phiếu kết quả này không được trích sao nếu chưa có sự đồng ý bằng văn bản của Trung tâm Kỹ thuật 2/*This Test report not be reproduced except in full without the written approval of QUATEST 2.*

TRƯỞNG PHÒNG KỸ THUẬT 4
Head of Technical Division 4
Phạm Hồng Sơn

KT.GIÁM ĐỐC
Director
PHÓ GIÁM ĐỐC
Tạ Ngọc Tú

KT2.QT.30/B.05/15.7.2016-(K4/2)

Trụ sở: 02 Ngô Quyền & 97 Lý Thái Tổ - Đà Nẵng; Fax: 3910064 – 3820868; ĐT (Nhận mẫu): 0236 3848376 – 3833009; Kế toán: 3830586; K1: 3831824; K2: 3848338; K3: 3831049; K4: 3921924; K5: 2468589; K6: 3923238; K7: 3606367; K8: 6278889; K9: 2468139; K10: 3575376; N1: 3821113; N2: 2681469; CL: 3833010; TT: 2621068; VPĐDQN: ĐT&Fax - 0255 3713231.

CHỨNG CHỈ CHẤT LƯỢNG QUỐC TẾ

TOPAL
KIẾN TẠO CHUẨN MỰC

TỔNG CỤC TIÊU CHUẨN ĐO LƯỜNG CHẤT LƯỢNG
TRUNG TÂM KỸ THUẬT TIÊU CHUẨN ĐO LƯỜNG CHẤT LƯỢNG 2
DIRECTORATE FOR STANDARDS, METROLOGY AND QUALITY
QUALITY ASSURANCE & TESTING CENTRE 2
Website: quatest2.com.vn; **Email:** quatest2@quatest2.com.vn

Số (*Nº*): 1401-K4/1540/KT2-HC2 Ngày/*Date of issue*: 09/4/2019 Trang/*Page*:1/2

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM
TEST REPORT

1. Tên mẫu/*Name of sample*: **CỬA ĐI NHÔM TOPAL PRIMA KT 2240x915**
2. Khách hàng/*Client*: CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN AUSTDOOR
3. Địa chỉ/*Address*: Số 35A đường số 1, phố Trần Thái Tông, phường Dịch Vọng, quận Cầu Giấy, TP. Hà Nội, Việt Nam
4. Ngày nhận mẫu/*Date of receiving*: 01/4/2019
5. Ngày thử nghiệm/*Date of testing*: từ ngày/*from*: 02/4/2019 đến ngày/*to*: 08/4/2019
6. Tình trạng mẫu/ *State of sample*: Mẫu là 01 bộ cửa nhôm, có kính, còn mới, có kích thước khoảng (2240x915)mm
7. Ký hiệu mẫu/*Mark of sample*: -
8. Số lượng mẫu/*Quantity*: 01 mẫu
9. Kết quả thử nghiệm/*Test results*:

TT/ *Items*	CHỈ TIÊU, ĐƠN VỊ TÍNH/ *Test properties, unit*		PHƯƠNG PHÁP THỬ/ *Test methods*	KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM/ *Test results*
01	Độ kín nước: *(Áp lực 200Pa)*	-	TCVN 7452-2:2004	Nước không xâm nhập vào mặt trong của cửa
02	Độ bền áp lực gió:		TCVN 7452-3:2005	
	- Biến dạng lớn nhất khi P= 100Pa	mm		0,02
	- Biến dạng lớn nhất khi P= 200Pa	mm		0,24
	- Biến dạng lớn nhất khi P= 300Pa	mm		0,61
	- Biến dạng lớn nhất khi P= 400Pa	mm		1,04
	- Biến dạng lớn nhất khi P= 500Pa	mm		1,41
	- Tình trạng mẫu sau khi thử	-		Cửa và phụ kiện không bị hư hỏng

Ghi chú/*Note*: -
- Tên mẫu, ký hiệu mẫu, tên khách hàng, tên hợp đồng được ghi theo yêu cầu khách hàng/*The sample, mark, client and contract are named by client's requirements.*
- Kết quả thử nghiệm chỉ có giá trị trên mẫu thử do khách hàng gửi đến /*The test results are valid only for the recieved sample from client.*
- Phiếu kết quả này không được trích sao nếu chưa có sự đồng ý bằng văn bản của Trung tâm Kỹ thuật 2/*This Test report not be reproduced except in full without the written approval of QUATEST 2.*

TRƯỞNG PHÒNG KỸ THUẬT 4
Head of Technical Division 4
Phạm Hồng Sơn

KT.GIÁM ĐỐC
Director
PHÓ GIÁM ĐỐC
Nguyễn Hữu Trung

KT2.QT.30/B.05/25.8.2017-(K4/2)

Trụ sở: 02 Ngô Quyền & 97 Lý Thái Tổ - Đà Nẵng; Fax:3910064 – 3820868; ĐT (Nhận mẫu): 0236 3848376 – 3833009; Kế toán: 3830586; K1: 3831824; K2: 3848338; K3: 3831049; K4: 3921924; K5: 2468589; K6: 3923238; K7: 3606367; K8: 6278889; K9: 2468139; K10: 3575376; N1: 3821113; N2: 2681469; CL: 3833010; TT: 2621068; VPĐDQN: ĐT&Fax - 0255 3713231.

TỔNG CỤC TIÊU CHUẨN ĐO LƯỜNG CHẤT LƯỢNG
TRUNG TÂM KỸ THUẬT TIÊU CHUẨN ĐO LƯỜNG CHẤT LƯỢNG 2
DIRECTORATE FOR STANDARDS, METROLOGY AND QUALITY
QUALITY ASSURANCE & TESTING CENTRE 2
Website: quatest2.com.vn; **Email:** quatest2@quatest2.com.vn

Số (*Nº*): 1402-K4/1540/KT2-HC2 Ngày/*Date of issue*: 09/4/2019 Trang/*Page*:1/2

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM
TEST REPORT

1. Tên mẫu/*Name of sample*: **CỬA SỔ NHÔM TOPAL PRIMA KT 1420x700**
2. Khách hàng/*Client*: CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN AUSTDOOR
3. Địa chỉ/*Address*: Số 35A đường số 1, phố Trần Thái Tông, phường Dịch Vọng, quận Cầu Giấy, TP. Hà Nội, Việt Nam
4. Ngày nhận mẫu/*Date of receiving*: 01/4/2019
5. Ngày thử nghiệm/*Date of testing*: từ ngày/*from*: 02/4/2019 đến ngày/*to*: 08/4/2019
6. Tình trạng mẫu/ *State of sample*: Mẫu là 01 bộ cửa nhôm, có kính, còn mới, có kích thước khoảng (1420x700)mm
7. Ký hiệu mẫu/*Mark of sample*: -
8. Số lượng mẫu/*Quantity*: 01 mẫu
9. Kết quả thử nghiệm/*Test results*:

TT/ *Items*	CHỈ TIÊU, ĐƠN VỊ TÍNH/ *Test properties, unit*		PHƯƠNG PHÁP THỬ/ *Test methods*	KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM/ *Test results*
01	Độ kín nước: *(Áp lực 200Pa)*	-	TCVN 7452-2:2004	Nước không xâm nhập vào mặt trong của cửa
02	Độ bền áp lực gió:		TCVN 7452-3:2005	
	- Biến dạng lớn nhất khi P= 100Pa	mm		0,01
	- Biến dạng lớn nhất khi P= 200Pa	mm		0,12
	- Biến dạng lớn nhất khi P= 300Pa	mm		0,45
	- Biến dạng lớn nhất khi P= 400Pa	mm		0,81
	- Biến dạng lớn nhất khi P= 500Pa	mm		1,17
	- Tình trạng mẫu sau khi thử	-		Cửa và phụ kiện không bị hư hỏng

Ghi chú/*Note*: -
- Tên mẫu, ký hiệu mẫu, tên khách hàng, tên hợp đồng được ghi theo yêu cầu khách hàng/*The sample, mark, client and contract are named by client's requirements.*
- Kết quả thử nghiệm chỉ có giá trị trên mẫu thử do khách hàng gửi đến /*The test results are valid only for the recieved sample from client.*
- Phiếu kết quả này không được trích sao nếu chưa có sự đồng ý bằng văn bản của Trung tâm Kỹ thuật 2/*This Test report not be reproduced except in full without the written approval of QUATEST 2.*

TRƯỞNG PHÒNG KỸ THUẬT 4
Head of Technical Division 4
Phạm Hồng Sơn

KT.GIÁM ĐỐC
Director
PHÓ GIÁM ĐỐC
Nguyễn Hữu Trung

KT2.QT.30/B.05/25.8.2017-(K4/2)

Trụ sở: 02 Ngô Quyền & 97 Lý Thái Tổ - Đà Nẵng; Fax:3910064 – 3820868; ĐT (Nhận mẫu): 0236 3848376 – 3833009; Kế toán: 3830586; K1: 3831824; K2: 3848338; K3: 3831049; K4: 3921924; K5: 2468589; K6: 3923238; K7: 3606367; K8: 6278889; K9: 2468139; K10: 3575376; N1: 3821113; N2: 2681469; CL: 3833010; TT: 2621068; VPĐDQN: ĐT&Fax - 0255 3713231.

CHỨNG CHỈ CHẤT LƯỢNG QUỐC TẾ

JOTUN

Certificate of Approval

AUSTDOOR GROUP JOINT STOCK COMPANY

Km 7, Road 39, Yen My Town, Hung Yen Province, Viet Nam

is certified as an Approved Applicator to coat

Jotun Façade

a product from Jotun Powder Coatings

This company fulfils the requirements set by Jotun Powder Coatings for pre-treatment and application of powder coatings. These include having the necessary equipment, process controls and technical knowledge to comply with Jotun Powder Coatings standards.

Approved Number: VN-SD-18023
Issued Date : 02nd-Jan-2019
(Certificate valid for two years from date above)

Authorized Signatory
Luu Thi Phuong Hoang
Sales Director – Powder Coatings
Jotun Paints (Vietnam) Co., Ltd.

JOTUN

Certificate of Approval

AUSTDOOR GROUP JOINT STOCK COMPANY

Km 7, Road 39, Yen My Town, Hung Yen Province, Viet Nam

is certified as an Approved Applicator to coat

Jotun Super Durable

a product from Jotun Powder Coatings

This company fulfils the requirements set by Jotun Powder Coatings for pre-treatment and application of powder coatings. These include having the necessary equipment, process controls and technical knowledge to comply with Jotun Powder Coatings standards.

Approved Number: VN-SD-18023
Issued Date : 02nd-Jan-2019
(Certificate valid for two years from date above)

Authorized Signatory
Luu Thi Phuong Hoang
Sales Director – Powder Coatings
Jotun Paints (Vietnam) Co., Ltd.

CHỨNG CHỈ CHẤT LƯỢNG QUỐC TẾ

TIGER CONSULT
Value Innovations

Certificate of qualification

CERTIFICATE TC01|2019

awarded to a leader in the architectural surface finishing industry.

This certifies,

AUSTDOOR ALUMINUM JOINT STOCK COMPANY
Phan Boi Hamlet, Di Su Village, My Hao District,
Hung Yen Province, Vietnam

has successfully demonstrated the ability to meet the stringent pretreatment*, process control and quality requirements for the application of,

TIGER Drylac® Series 075
Architectural Powder Coatings on aluminium.

*Pretreatment Manufacturer / Type of Pretreatment:
Trading and Manufacturing Kiem Tan Co., Ltd / CROMATE AL-CR 09+1 (ONE spray booth)

Ho Chi Minh, 20 Nov 2019

Released by:

Ken Tran
Managing Director

This certificate is valid for one year from issuance and can be extended subject to successful renewal audits.

Audit executed by:
TIGER Drylac Vietnam Co., Ltd. | Binh Duong Province
T +84 / (0)274 / 375 83 70 | F +84 / (0)274 / 375 83 71 | E office.vn@tiger-coatings.com | W www.tiger-coatings.com

TIGER CONSULT
Value Innovations

Certificate of qualification

CERTIFICATE TC01|2019

awarded to a leader in the architectural surface finishing industry.

This certifies,

AUSTDOOR ALUMINUM JOINT STOCK COMPANY
Phan Boi Hamlet, Di Su Village, My Hao District,
Hung Yen Province, Vietnam

has successfully demonstrated the ability to meet the stringent pretreatment*, process control and quality requirements for the application of,

TIGER Drylac® Series 075
Architectural Powder Coatings on aluminium.

*Pretreatment Manufacturer / Type of Pretreatment:
Trading and Manufacturing Kiem Tan Co., Ltd / CROMATE AL-CR 09+1 (TWO spray booths)

Ho Chi Minh, 20 Nov 2019

Released by:

Ken Tran
Managing Director

This certificate is valid for one year from issuance and can be extended subject to successful renewal audits.

Audit executed by:
TIGER Drylac Vietnam Co., Ltd | Binh Duong Province
T +84 / (0)274 / 375 83 70 | F +84 / (0)274 / 375 83 71 | E office.vn@tiger-coatings.com | W www.tiger-coatings.com

DỰ ÁN TIÊU BIỂU

Chung cư cao cấp Platinum Residences - Hà Nội

Bệnh viện quốc tế Green - Hải Phòng

TTTM Times Square - Tp. Hồ Chí Minh

Khu dân cư Himlam Bình Chánh - Tp. Hồ Chí Minh

Khu đô thị Ciputra - Hà Nội

Indochina Plaza - Hà Nội

Bệnh viện đa khoa Vinmec Nha Trang - Nha Trang

Trung tâm triển lãm thành phố Hồ Chí Minh

Chung cư cao cấp Berriver Long Biên - Hà Nội

Chung cư cao cấp Hà Đô Park View - Hà Nội

Nhà máy Kinh Đô Miền Nam - Bình Dương

Khu tổ hợp thương mại chợ Vinh - Nghệ An

TTTM Lotte Đồng Nai - Đồng Nai

Nhà máy Vinamilk - Bình Dương

Trụ sở Viettel Hà Tĩnh - Hà Tĩnh

Cửa lò Golf Resort - Nghệ An

Grand Riverside

Nhà máy HuaYuan Việt Nam

Vinpearl Resort Hạ Long

Vinpearl Đà Nẵng

Trần Anh Riverside

Goldora Plaza

Vinpearl Bãi Dài

Chung cư cao cấp Goldmark City

Alma Cam Ranh

Nhà máy nhựa Duy Tân

Vincom Huế

Lavila Đông Sài Gòn

Vinpearl Nha Trang

Vinhomes Hà Tĩnh

Cáp treo Tây Ninh

MGW Office

Condotel Trần Phú - Nha Trang

De Capella

Công ty dược phẩm Đông Á

Trường song ngữ quốc tế EMASI Vạn Phúc

TỰ HÀO THƯƠNG HIỆU QUỐC GIA

TẬP ĐOÀN AUSTDOOR
35A, Đường số 1, Trần Thái Tông, Cầu Giấy, Hà Nội
(024) 4455 0088

Nhà máy nhôm Nhơn Trạch
Tôn Đức Thắng, KCN Nhơn Trạch 1, Đồng Nai
(025) 1356 0016

Nhà máy nhôm Hưng Yên
Phan Bôi, Dị Sử, Mỹ Hào, Hưng Yên
(022) 1357 0088

Trung tâm DVKH Austcare
1900-6828

© 2020. Tất cả nội dung, hình ảnh trong tài liệu này thuộc bản quyền của Tập đoàn Austdoor.
Nghiêm cấm sao chép dưới mọi hình thức.

TP-PRO/05.2020